

"THẾ-GIỚI TRUYỆN NÔM" CỦA MAURICE DURAND (1914-1966)

Nguyễn Ngọc Bích giới-thiệu

Trong những sách tôi mới nhận được từ Việt-nam, có một cuốn tôi đặc-biệt chú ý, đó là cuốn *L'Univers des Truỵện Nôm* mà người dịch ở Hà-nội đã dịch thành "Thế giới của Truỵện Nôm" (tôi thiết nghĩ chữ "của" hoàn-toàn không cần thiết). Đây là một ấn-phẩm nằm trong Tủ sách Việt Nam (số IV) của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (Ecole française d'Extrême-Orient) "được xuất bản với sự tài trợ của Trung tâm ngôn ngữ và văn minh Pháp và Đại sứ quán Pháp" tại Việt-nam ("publié avec le concours de l'Alliance Française et de l'Ambassade de France en République Socialiste du Vietnam").

Cuốn sách đáng chú ý vì nhiều lý-do. Trước hết là tác-giả của nó, ông Maurice Durand, một trong những chuyên-gia hàng đầu của Pháp--và ta dám nói là của cả thế-giới--về Việt-nam-học. Từ thập niên 1950 chúng ta đã được chứng-kiến những nghiên cứu và tác-phẩm sâu sắc, nổi tiếng của ông như:

- *La pagode Một Cột* ("Chùa Một Cột," Hà-nội, 1949)

- *La pagode Lý Quốc Sư* ("Chùa Lý Quốc Sư," Hà-nội, 1949)

- *La Complainte de l'Epouse du Guerrier de Đặng Trần Côn* (dịch "Chinh-phụ-ngâm," BSEI, 1953)

- *Connaissance du Vietnam* ("Tri-thức về VN," Hà-nội, 1954) viết chung với Bác-sĩ Pierre Huard

- *Technique et Panthéon des médiums vietnamiens* ("Kỹ-thuật và Phù thánh của các đồng cô Việt-nam," 1959)

- *L'imagerie populaire vietnamienne* ("Tranh dân-gian Việt-nam," 1960)

- *Les impressifs en vietnamien* ("Những tiếng lấp láy hay ấn-tượng trong tiếng Việt," 1961)

- *La transcription de la langue vietnamienne et l'oeuvre des missionnaires français* ("Việc chuyển-tả tiếng Việt và sự-nghiệp của các nhà truyền giáo người Pháp," 1961)

- *Le Phan Trần* (chủ thích và dịch "Truyện Phan Trần" sang tiếng Pháp, có cả bản Nôm đi kèm, Paris, 1962) chưa kể những bản dịch của ông trong *Dân Việt Nam* như dịch *Lĩnh Nam chích quái* hay một phần *Cương mục* (tức *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục*), đoạn viết về nhà Tây Sơn v.v. hoặc phần giới-thiệu về "Littérature vietnamienne" ("Văn-học Việt-nam") trong bộ *Histoire des littératures* trong collection

Encyclopédie de La Pléiade (Paris: Gallimard, 1956). Hay tuyển-tập các bài nghiên cứu mang tên *Mélanges sur Nguyễn Du* (Réunis à l'occasion du Bicentenaire de Nguyễn Du, "Tập-văn về Nguyễn Du," làm chung với G.S. Tạ Trọng Hiệp, Paris: EFEO, 1966) hoặc cuốn *Introduction à la littérature vietnamienne* ("Dẫn nhập vào Văn-học Việt-nam") viết chung với B.S. Nguyễn Trần Huân (Paris: G.-P. Maisonneuve et Larose, 1969). Cuốn sau này có được dịch sang tiếng Anh và do Columbia University Press in ra.

Sau khi ông mất vì bạo-bệnh vào năm 1966, Trường Viễn Đông Bác Cổ ở Paris tiếp-tục cho in những tác-phẩm gần xong của ông như cuốn *L'oeuvre de la poétesse vietnamienne Hồ Xuân Hương* (Paris: EFEO, 1968),

Góc gác của cuốn "Thế-giới Truyện Nôm"

Ông Maurice Durand sinh ra ở Hà-nội vào ngày 2 tháng 8 năm 1914, con của ông Gustave Durand, trưởng phòng dịch-thuật Toà Án Đông Dương đồng-thời là giáo-thụ tiếng Hoa ở Trường Đại-học Hà-nội, và bà Nguyễn Thị Bình, người tỉnh Kiến-an gần Hải-phòng. Từ nhỏ, như vậy ông đã được nuôi dưỡng trong hai thứ tiếng, Pháp và Việt, mà ông coi như tiếng mẹ đẻ, và hai nền văn-hoá mà sau này sẽ ghi đậm dấu ấn lên sự-nghiệp và trứ-tác của ông.

Sau khi tốt nghiệp ở trường trung-học Albert Sarraut (Hà-nội), ông được gởi đi Pháp học tiếp và nơi đây ông đã lấy được

bằng cử-nhân văn-khoa ("license de lettres," mà Hà-nội dịch miệt-thị là "tấm bằng văn khoa") và bằng Cao-học ("Diplôme d'Etudes supérieures," mà Hà-nội dịch bậy là "bằng cử nhân đại học") với luận-án *Loti et Extrême-Orient* (tức nhà văn "Pierre Loti và Viễn-Đông") vào năm 1937.

Có lẽ vì biết tiếng Anh nên trong thời-gian Thế-chiến II, ông được gởi sang Mỹ làm liên-lạc-viên cho quân-đội Pháp ở bên ấy. Năm 1946, ông đã trở lại Việt-nam với tư-cách là giáo-viên Trung-học. Một năm sau (1947), ông trở thành thành-viên không chính-thức của Trường Viễn-Đông Bác Cổ Pháp và năm 1949 thành thành-viên chính-thức. Ông là Giám-đốc Trường Viễn-Đông Bác Cổ Pháp ở Hà-nội từ năm 1954 cho đến năm 1957 khi Hà-nội đòi đóng cửa chi nhánh này ở VN.

Trở về Pháp, ông phụ trách nghiên cứu môn lịch-sử và môn ngữ-văn ở Trường Cao-học Thực-hành Pháp (Ecole pratique des Hautes Etudes) ở Paris, vị-trí mà ông đã đảm đương trong chín năm và luôn luôn giữ quan-hệ mật-thiết với Trường Viễn-Đông Bác Cổ, nơi ông đã tin tưởng giao toàn-bộ trách-nhiệm xuất bản những công-trình nghiên cứu của ông. Đó là lý-do vì sao cuốn "Thế-giới Truyện Nôm" đã xuất hiện như một sản-phẩm của Trường Viễn-Đông Bác Cổ Pháp ở Hà-nội.

Song câu chuyện không phải là đơn-giản. Ông mất năm 1966 và sau khi ông ra đi, bà Durand đã cho gom hết cả những giấy tờ của ông vào một chỗ. Mãi đến

năm 1994, gần 30 năm sau, bà mới trao lại cho ông Louis Vandermeersch, lúc bấy giờ là Giám-đốc Trường Viễn-Đông Bác Cổ ở Pháp. Về những tài-liệu rải rác mà ông Durand để lại về đề-tài truyện Nôm, ông Vandermeersch đã gợi ý cho bà Durand để nhờ Giáo-sư Lê Hữu Mục, một chuyên-gia Hán-Nôm, ở Canada xem lại xem có thể đúc kết lại thành một cuốn sách không. Song G.S. Lê Hữu Mục, có thể vì sức khỏe đã yếu nên sau một thời-gian đã hoàn lại khối tư-liệu ngồn ngang đó cho Trường VĐBC. Tới đây, ông tân-Giám-đốc Trường VĐBC Denis Lombard đã mời được Giáo-sư Đinh Gia Khánh ở Hà-nội tham-gia vào việc tu soạn lại cuốn sách từ những ghi chép chưa hoàn-hảo của ông Durand. Nói như ông Philippe Papin viết trong bài giới-thiệu, "công việc phức tạp không chỉ vì phải thêm phần phụ lục ngay từ lần đầu biên soạn mà còn vì sự lộn xộn, đan xen nhiều lần lẫn nhau giữa các ngôn ngữ trong cùng một văn bản có nguồn gốc từ những bản nháp và những ghi chép." Để dò lại các trích dẫn của ông Durand, một nhà Hán-Nôm khác, ông Nguyễn Văn Nguyên, đã "dây công đôi chiếu, tìm kiếm những văn bản cổ và đem so sánh một cách tỷ mỉ chữ Nôm trong các văn bản."

Tương như vậy thì sản-phẩm cuối cùng phải gần như hoàn-hảo. Nhưng không hẳn, bởi tình-trạng thủ-bản như ông Maurice Durand để lại đã không được đồng đều. Nếu phần viết về *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, 45 trang khổ lớn

chữ nhỏ (từ trang 57 đến 101), xem ra khá chi-tiết, sâu sắc và đầy đủ, thì những tác-phẩm còn lại xem ra hơi sơ sài. Nguyễn Đình Chiểu, tác-giả *Lục Vân Tiên*, *Ngũ tiều vãn đáp y-thuật* và *Văn tế nghĩa sỹ Cần giuộc* được 18 trang; *Hoa tiên* sáu trang; *Tỳ bà truyện* của Kiều Oánh Mậu được chín trang; *Nhị-độ-mai* được ba trang; *Bích-câu kỳ-ngộ* (tức truyện Tú Uyên) được sáu trang, kèm theo là *Từ Thức tiên hôn lục* ("Truyện Từ Thức lấy tiên") ba trang. Còn hầu hết những truyện còn lại (*Lý-công truyện*, *Ngọc Hoa*, *Nguyễn Đạt Nguyễn Sinh tân-truyện*, *Lưu Bình - Dương Lễ*, *Tổng Trân Cúc Hoa truyện*, *Phương Hoa truyện*...) phần lớn chỉ được 1-2 trang, nhiều là ba trang (như *Hoàng Trừ truyện*, *Tuyển phụ ngô-phối tân-truyện*), chưa kể có truyện chỉ được có nửa trang hay hơn một chút: *Hữu Kế truyện*, *Phù Dung tân-truyện*. Ngoại-lệ là *Truyện Quan-âm Thị Kính* được tới 10 trang (các trang 165-174). Sự chênh lệch này có thể là do tầm quan-trọng tương-đối giữa các tác-phẩm song cũng có thể là do soạn-giả, ông Maurice Durand, chưa kịp có thời giờ viết đầy đủ theo như ý muốn của ông. Tỷ như ông chưa viết gì về các truyện thuộc hạng cổ nhất của VN như *Nghĩa-sĩ truyện*, *Lâm tuyền kỳ-ngộ* là những truyện viết dưới dạng một số bài thơ Đường-luật (thất ngôn bát cú) chấp lại và nối tiếp theo nhau. Hay có những truyện rất nổi tiếng như *Song Tinh bắt dạ* của Nguyễn Hữu Hào (mất năm 1713) hoặc *Sơ kính tân*

trang của Phạm Thái (1777-1813) cũng không được nhắc tới. Cũng tương-tự, các truyện cổ vô-danh-thị như *Trinh-thử*, *Tré Cóc*, *Lục Súc Tranh Công* hay *Thạch Sanh...* cũng chưa kịp đưa vào sách. Tóm lại, đó là một số thiếu sót của cuốn sách mà nếu tác-giả còn sống sau năm 1966, có thể ông đã có thời giờ bổ sung cho thành đầy đủ hơn.

Nhưng đầu sao, cứ vẫn trong trạng-thái (thiếu sót) hiện-tại, cuốn sách cũng đã tỏ ra rất phong phú và có rất nhiều điều cho một độc-giả Việt-nam bình-thường của ngày hôm nay học hỏi. Tỷ dụ như trong chương II ("*La prosodie vietnamienne*," Thi-pháp VN), ông đã tỏ ra tỉ mỉ hơn cả Dương Quảng Hàm trong *Việt-nam văn-học sử-yếu* khá nhiều, với nhiều bằng-chứng đưa ra (ghi trong chữ Nôm và chữ Quốc-ngữ) để minh-hoạ

những điều ông nói--tóm lại, nói có sách, mách có chứng.

Để kết, tôi thiết nghĩ: Nếu ta đọc cuốn "Thế-giới Truyện Nôm" này của Maurice Durand song song với một cuốn như *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm* của Đặng Thanh Lê (Hà Nội: Nhà xb Khoa học xã hội, 1979) thì ta sẽ có được một cái nhìn khá toàn-diện và sâu sắc về truyền-thống truyện thơ Nôm, một thể-loại rất phong phú của văn-học Việt-nam, một thể-loại hoàn-toàn không có và do đó khác xa văn-học Trung-quốc.*

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Thị-xã Đồng Xuân
Quận Fairfax, Bang Trinh Nữ
Đêm 7 tháng 2, 2014

* Ngoài phần viết về truyện thơ Nôm (là phần chính), *Thế-giới truyện Nôm* của Maurice Durand còn có phần "Phụ-lục" viết về các thể-loại "ngâm, ca, hành" bàn đến những tác-phẩm nổi tiếng như *Hoài Nam Ca* của Hoàng Quang, *Chinh-phụ-ngâm khúc*, *Cung-oán ngâm-khúc*, *Trường-hận ca* và *Tỳ-bà hành* là một số trong những tuyệt-tác-phẩm của văn-học VN. Chúng tôi xin dành chuyện bàn về phần này cho một dịp khác.

Phụ-chú: Hơi tiếc là cuốn sách, tuy được biên-tập đã khá kỹ vẫn còn sót một số lỗi khá nổi bật như thân-phụ của Nguyễn Du mà lại ghi là "Nguyễn Nhiệm" (trang 63) thay vì "Nguyễn Nghiễm," một chức của Nguyễn Du ghi là "cai bộ" (trang 65) thay vì "cai bạ" (Quảng-bình). Nhưng tệ hơn cả là chuyện xuyên-tạc lịch-sử khi cho là cụ Huỳnh Thúc Kháng, trong thời-gian cụ làm Phó-chủ-tịch Nước, "*il élimina le Việt-Nam quốc dân Đảng*" (cước-chú trang 79) trong khi đó đích-thật là trọng-tội giết cả chục nghìn "anh em, đồng-bào," giết các đảng phái Quốc gia (VNQDD, Đại Việt, Duy Dân, Cao Đài, Hoà Hảo, Đệ Tứ) là của Võ Nguyên Giáp trong thời-gian Hồ Chí Minh vắng mặt đi sang hội họp với Pháp ở Fontainebleau (tháng 5-tháng 10, 1946).

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG BÃO TUYẾT

Phong Thu

Bão tuyết lại trở về trên miền Đông Bắc Hoa Kỳ. Nửa đêm Hiền nghe gió lồng lộng vi vút thổi ngoài sân. Nàng không thể ngủ được vào những đêm bão tuyết như thế này. Hiền trở dậy, nàng choàng chiếc áo len và đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài trời. Nàng không còn nhìn rõ mọi vật. Tuyết như những cánh hoa trắng nở từ trên trời cao rơi xuống nhân thế. Hàng cây khẳng khiu trơ trọi lá như được bao phủ những cánh hoa trắng muốt sáng rực trong đêm đen. Cây Cornus Kousa, Dogwoods, Crab apple, đang oằn mình dưới sức nặng của tuyết. Gió nổi lên từng hồi và cuốn tuyết từ trên mái nhà, từ trên những cành cây cao và từ mặt đất ném vào không gian. Tuyết mù mịt bao phủ cả một bầu trời cao rộng. Hiền cứ đứng đó nhìn không biết chán. Nếu bây giờ là ban ngày nàng sẽ không ngần ngại gì mặc áo choàng, mang ủng và đi dưới cơn mưa tuyết.

Hiền trở lại giường nằm và cố dỗ giấc ngủ nhưng không hiểu sao lòng nàng cứ bồi hồi không yên. Chiếc đồng hồ nhỏ đặt trên bàn cứ lách kích đều đặn. Quả chuông nhỏ xíu di chuyển không ngừng và gõ đúng hai tiếng. Hiền trở mình một lúc khá lâu rồi thiếp đi. Tiếng điện thoại reo vang,

Hiền mệt mỗi thức giấc. Nhìn hàng số trong máy Hiền chợt tỉnh hẳn.

– Tỉnh đó hả? Sao vậy?

Giọng Tịnh vang lên bên kia đầu dây có vẻ hốt hoảng:

– Chị Hiền, em chuyển bụng. Chị đưa em vô nhà thương có được không?

Hiền luống cuống chưa biết trả lời ra sao thì Tịnh nài nỉ:

– Chị giúp em đi vì em sợ quá! Em không còn có ai giúp đỡ trong lúc này.

– Còn chồng Tịnh đâu?

– Anh ấy đã bỏ đi từ lâu rồi – Giọng Tịnh run run.

– Trời đất! Thiệt hôn. Đi từ bao giờ?

– Chuyện dài lắm. Em không tiện nói cho chị nghe đâu. Chị giúp em đêm nay.

Hiền lật đật ừ bừa và mặc vội chiếc áo khoát rồi hối hả lên xe. Xe nổ máy, nàng cố gắng lái xe thật chậm để không gây ra tai nạn nhưng đường quá trơn trượt. Chiếc xe không tuân theo sự điều khiển của nàng. Mỗi lần nàng thắng lại trước một ngã tư có đèn đỏ, chiếc xe cứ xoay tròn trên đường trước khi ngừng hẳn. Tuyết cứ rơi mịt mù trắng cả đất trời. Đường xá giờ này vắng tanh không một bóng người. Thỉnh thoảng chỉ có vài chiếc xe chạy chậm chạp vượt qua mặt nàng và cuốn theo phía sau những đám tuyết như một dải sương mù dày đặc. Hiền biết lái

xe trong lúc này rất nguy hiểm nhưng nàng không còn nghĩ đến mình. Tịnh đang cần sự giúp đỡ. Chẳng lẽ nào nàng từ chối. Nhất là lúc này, Tịnh đang đi biển một mình? Có điều gì bất ổn đang xảy ra cho Tịnh? Kể từ ngày Tịnh thay đổi công việc, rồi sau đó tuyên bố lấy chồng, Tịnh hầu như không còn liên lạc với Hiền thường xuyên. Ngày cưới của Tịnh, Hiền đã đến dự. Đám cưới Tịnh rất lớn và đa số bạn bè của Tịnh đều là giới làm Nail nên lắm bạc nhiều tiền. Chồng Tịnh cũng ở trong ngành Nail nên vàng vòng đeo đầy tay. Nếu Hiền đoán không lầm thì sợi dây chuyền anh ta đeo trên cổ nặng cỡ 3, 4 lượng vàng y. Không hiểu sao, Hiền cảm thấy xa lạ và lạc lõng trong ngày cưới của Tịnh. Nhất là nhìn chồng Tịnh, người đàn ông có khuôn mặt tròn quay như hột mít, đôi mắt nhỏ che dưới hàng mi lụp xụp và chiếc mũi ngắn to bè thô kệch đã khiến Hiền có cảm giác khó thân thiện. Hiền đã bỏ dở dang bữa tiệc ra về. Kể từ ngày cưới cho đến hôm nay đã hai năm, Tịnh chỉ gọi điện thoại nói chuyện với nàng duy nhất hai lần. Tình bạn trở nên xa cách. Hiền không trách bạn. Nàng hiểu sống ở đây ai cũng bận rộn lo sinh kế gia đình, lo tiền nhà, tiền điện, nước... hàng trăm thứ chi phí khác nhau đã khiến cho mọi người dành hết thời gian cho công việc nên bạn bè thường không có dịp để gặp nhau. Hiền hay tin vợ chồng Tịnh đã mua một căn nhà lớn và sang một tiệm

Nail. Như vậy cũng mừng cho bạn thành công. Nhưng bỗng dưng hôm nay Tịnh đột ngột gọi điện thoại nửa đêm và nhờ nàng đưa vào bệnh viện. Có điều gì bất thường xảy ra? Tịnh có bầu từ bao giờ và vì sao chồng Tịnh không ở nhà để giúp đỡ vợ? Bao nhiêu câu hỏi đó đã làm cho Hiền không an tâm.

Khó khăn lắm xe của Hiền mới leo lên được con dốc dẫn đến nhà Tịnh. Căn nhà thật đồ sộ ngoài dự đoán của Hiền. Nàng chưa bao giờ đến đây nên hơi ngỡ ngàng trước sự giàu sang của bạn. Hiền bấm chuông. Tịnh ra mở cửa. Vừa gặp nàng là nước mắt Tịnh rơi như những cánh hoa tuyết đang bay ngoài trời. Khuôn mặt Tịnh hốc hác, gầy rộc khiến đôi gò má nhô cao. Đôi mắt Tịnh quầng thâm và lơ đãng mệt mỏi. Chiếc áo ngủ rộng thùng thình đang cố che lấp cái bụng đã nhô cao. Hiền lấp bắp hỏi:

_ Tịnh chuyển bụng hả?

Tịnh vẫn còn khóc nức nở:

_ Bác sĩ nói ba tuần nữa Tịnh mới sanh nhưng không hiểu tại sao Tịnh cảm thấy đau lâm râm từ hồi chiều tới giờ.

Hiền ôm vai bạn dỗ dành:

_ Bây giờ vô bệnh viện ngay đừng chần chờ. Tịnh đã chuẩn bị hết chưa?

Tịnh gật đầu và chậm rãi quay vào trong mang túi xách ra. Hiền đỡ lấy rồi lật đật đưa Tịnh ra xe. Lòng Hiền sôi sục cơn giận. Hấn đi đâu trong lúc người vợ đang chuẩn bị sanh nở? Tàn nhẫn. Tàn nhẫn

quá! Hiền lẩm bẩm với mình. Chiếc xe chồm tới. Bốn chiếc bánh trơn trượt trên đường và bò dần như một con rùa đen giữa đêm đông giá rét. Tuyết vẫn rơi trắng xóa đất trời.

* * *

Tịnh đã tỉnh dậy sau hai ngày đêm nằm trên bàn mổ. Đứa bé bị nhau quấn cổ nên cuối cùng bác sĩ phải quyết định phẫu thuật lấy đứa bé ra. Tịnh nhìn quanh không thấy con đâu. Nàng có cảm giác nửa phần thân thể tê dại đi và không còn có cảm giác gì. Đầu óc nàng hoang mang vô kể. Con nàng đâu? Tịnh quờ quạng hai tay nhưng bị vướng lại vì những ống chuyển nước biển. Nàng ray rức không yên khi biết mình sinh nở khó khăn và con nàng đã không ở cạnh nàng trong lúc này. Bà y tá già người Đại Hàn bước vào. Bà ta nắm tay nàng trấn an:

_ Chúc mừng bà sinh nở một cháu bé khaú khỉnh.

_ Trai hay gái?

_ Cháu trai.

Một hàng nước mắt vui mừng rơi ướt tóc nàng. Tịnh reo lên khe khẽ:

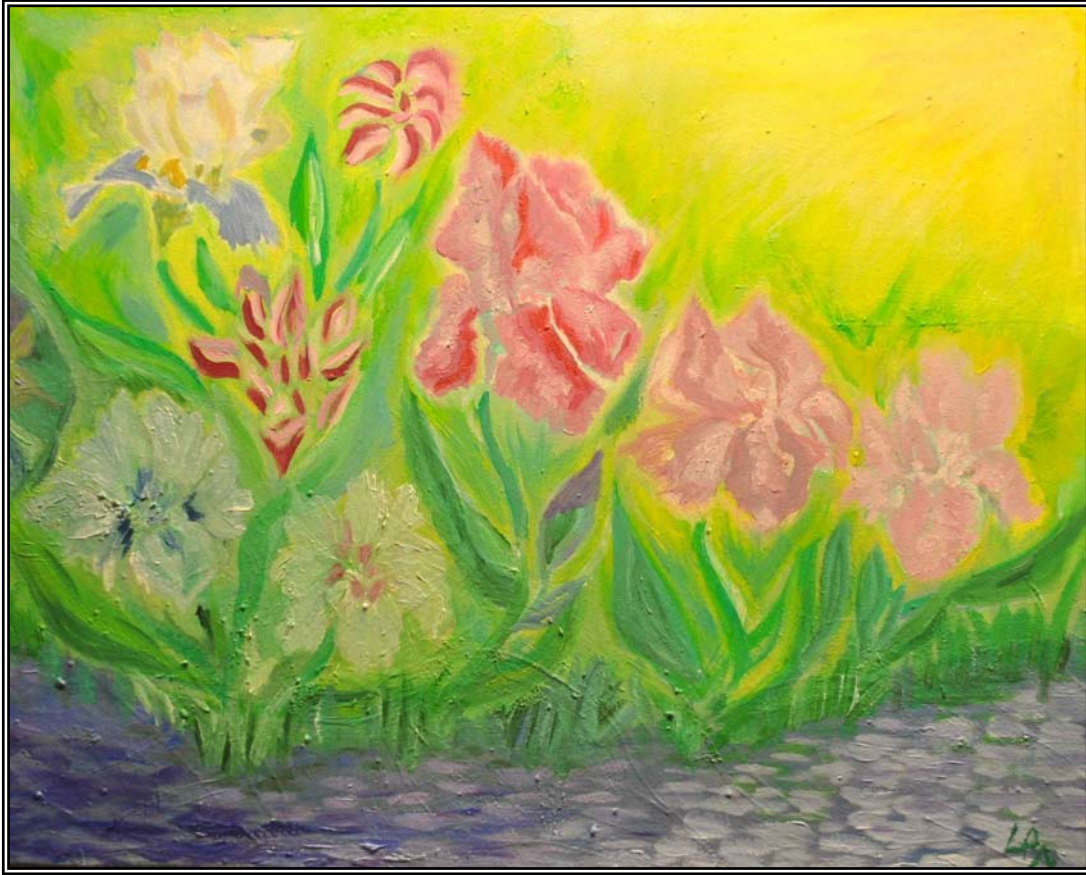
_ Con trai. Tôi vui quá! Tôi có thể nhìn mặt con tôi được không?

Người y tá mỉm cười chia sẻ niềm vui với người mẹ trẻ. Bà đáp:

_ Sau khi tôi tắm và làm thuốc cho nó xong, tôi sẽ mang đến cho bà.

Nửa giờ sau, bà ta quay lại. Bà đặt đứa bé bên cạnh nàng rồi đi ra. Tịnh khó nhọc nhồm nhìn con. Thằng bé bị quấn chặt trong cái khăn màu xanh in xen kẻ những chiếc lá nâu. Cái nón len nhỏ che kín cái đầu bé tí và khuôn mặt trắng hồng mềm như tờ giấy mỏng. Tịnh hôn hờ siết con vào lòng. Lần đầu tiên, nàng có cảm giác được an ủi và trái tim nàng rạo rức tình yêu thương chan chứa đối với đứa con trai bé bỏng vừa mới chào đời. Đứa bé cựa mình và đột ngột khóc. Đôi mắt nó mở to ngơ ngác đảo quanh. Ôi đôi mắt của Sơn, chồng nàng. Đôi mắt đó đã cuốn hút nàng, đưa đẩy nàng vào cuộc phiêu lưu tình ái. Nàng đã bất chấp mọi dư luận về sự bê bối trong đời sống của Sơn, và nàng đã chống lại gia đình để lấy Sơn. Hôm nay, nàng nằm đây một mình trong cơn bão lớn, vật lộn với những đau đớn vật vã một mình... Xung quanh nàng không có gia đình, không có cả người chồng một thời yêu thương nồng ấm. Hạnh phúc sao quá mong manh và con người dễ thay lòng đổi dạ. Hôm nay yêu thương, rồi ngày mai chỉ còn lại con số không vô nghĩa. Tịnh lại khóc. Nàng nhìn ra khung cửa kính. Hình như tuyết cứ vô tình rơi lất phất ngoài sân.

Hiền đến bệnh viện thăm mẹ con Tịnh mỗi ngày sau khi tan sở. Nàng mua cho bạn một bó hoa và một con gấu lớn tặng bé Kha. Hiền cố gắng an ủi Tịnh để bạn



Tranh: **LIÊN PHƯƠNG**

quên đi nỗi buồn tủi phận của kẻ bị bỏ rơi. nhà. Hiền đã xin công ty cho nghỉ phép một tuần giúp đỡ bạn. Nàng đi chợ mua sắm thức ăn, nấu nướng và giặt giũ giúp bạn. Hiền tắm rửa cho bé Kha và cho nó bú. Tịnh quá gầy, phần vì buồn, phần kiệt sức nên không đủ sữa để nuôi con. Hiền chưa có chồng và không có con nên nàng

Hai tuần sau, Tịnh được bác sĩ cho về phải mua sách về đọc, hỏi thăm bạn bè và bác sĩ để có thể giúp đỡ bạn trong cơn hoạn nạn. Một tháng đã trôi qua, Hiền vẫn chưa bao giờ hỏi Tịnh về sự vắng mặt lạ lùng của Sơn. Hiền không muốn khơi dậy trong lòng Tịnh nỗi buồn. Nàng cũng không muốn thấy những giọt nước mắt của người

mẹ trẻ cứ rơi mãi trong thảng ở cũ.

Nó có ảnh hưởng rất nguy đến tinh thần và sức khoẻ của Tịnh. Hơn nữa, Tịnh cứ quẩn quít bên con và Hiền nhìn thấy trong đôi mắt bạn một niềm vui mới nên cũng không còn cần biết người đàn ông bạc bẽo, vô tình đó bây giờ đang ở đâu. Một buổi chiều cuối tuần, khi đi làm về, Hiền thấy Tịnh đang đứng sững bên khung cửa sổ. Đôi mắt Tịnh nhìn mông lung ra sân. Hiền hỏi:

_ Sao Tịnh không nằm nghỉ mà lại ra đây đứng không chịu mang vợ, mang giầy gì hết.

Tịnh quay lại nhìn Hiền và nói:

_ Em quyết định bán nhà. Em đã gọi công ty rồi.

_ Thật hả?

_ Căn nhà này lạnh lẽo quá chị à! Mỗi lần nhìn quanh em cảm thấy buồn thêm.

_ Sơn không có đây thì Tịnh bán có được không?

Tịnh cười chua chát:

_ Anh ta đã ôm một số tiền lớn hơn căn nhà này và trốn về Việt Nam rồi thì cần gì căn nhà này.

_ Tại sao lại ra nông nổi như vậy Tịnh? Cả hai cưới nhau chưa đầy hai năm mà.

_ Lỗi cũng do em một phần chị ơi! Em nghe lời gia đình và xem thường anh ấy. Chị ngồi xuống đây đi. Em sẽ kể cho chị nghe đầu đuôi câu chuyện.

Hiền lôi Tịnh vào phòng khách. Nàng nhóm lên một ngọn lửa trong lò sưởi. Pha

xong hai ly coca sữa, Hiền trao cho Tịnh một ly. Vừa uống Tịnh vừa nói:

_ Em mang ơn chị suốt đời. Khi em gặp nạn, em mới hiểu được ai là người tốt.

_ Tội ngạc nhiên tại sao ba má Tịnh cũng không hề quan tâm đến Tịnh và bé Kha.

_ Em đã cãi lời ba má để lấy Sơn. Chẳng những vậy mà sau này còn nhiều rắc rối hơn nữa nên ba má em đã quyết định không còn nhìn em nữa.

Hiền cảm thấy bất mãn trong lòng nhưng không tiện nói ra. Tịnh uống hết ly coca và đôi mắt nàng nhìn chăm chăm vào ngọn lửa đang cháy bập bùng. Tịnh bắt đầu câu chuyện mà từ lâu Hiền muốn tìm hiểu...

...Tịnh không phải là một cô gái xinh đẹp, nhưng trắng trẻo, có duyên và có học. Sang Mỹ ở tuổi 27, Tịnh vừa đi học đi làm. Ba má Tịnh không muốn thế. Ông bà muốn Tịnh học Nail để có tiền nhiều và nhanh. Tịnh đã bỏ dở dang việc học hành để theo đuổi ngành Nail như ý gia đình. Kể từ đó, nàng không còn liên lạc với Hiền thường xuyên. Do bạn bè giới thiệu, Tịnh quen biết Sơn, một người đàn ông tuổi trung niên, cùng nghề nghiệp với nàng. Anh ta rất khác những người đàn ông đang từng theo đuổi theo nàng. Lần đầu tiên gặp Tịnh, Sơn tỏ ra lịch lãm, phong lưu chi tiền như nước. Anh chiều chuộng, chăm sóc cho nàng từng li từng tí. Mỗi cử chỉ, mỗi cái chau mày của nàng, anh đều quan tâm và để ý. Thời gian dần trôi, nàng cảm thấy chỉ có Sơn là người

yêu thương nàng thật sự. Phần tuổi đã hơn ba mươi, phần cô đơn và mong muốn có mái ấm gia đình nên nàng đã bằng lòng lấy Sơn khi anh ngỏ ý cầu hôn. Ngay từ đầu, cuộc tình của nàng cũng không suông sẻ. Ba mẹ, anh em nàng không ai thích Sơn. Gia đình nàng cho rằng Sơn rất phách lối và ăn nói cư xử như một tên thất học. Nàng nhìn Sơn ở một góc độ khác. Sơn không biết cư xử với mọi người nhưng yêu thương chiều chuộng nàng thế là đủ. Bạn bè đánh tiếng cho nàng biết cuộc sống không mấy tốt của Sơn trong quá khứ nhưng Tịnh chỉ để ngoài tai, và nàng còn cho rằng những người đó ganh ghét với hạnh phúc của nàng. Khi yêu, người ta thường mù loà và cứ cho rằng người yêu mình là nhất. Tịnh lấy chồng cho nàng chớ không phải cho gia đình, bạn bè hay dư luận. Và đám cưới của nàng đã được tổ chức long trọng. Mọi người đến chúc tụng nàng. Sơn đã mượn họa sĩ vẽ một tấm hình lớn của cả hai đặt trước lối ra vào. Sau đó vài tháng, Sơn và nàng đã mua căn nhà này với giá bảy trăm ngàn đôla. Căn nhà gồm có sáu phòng ngủ, ba phòng tắm, một phòng khách, một phòng ăn rộng thênh thang. Căn nhà nằm trong một khu vực yên tĩnh và có nhiều thông. Ba mẹ Tịnh luôn nghĩ rằng tài sản mà Tịnh đang có là của gia đình. Ông bà tìm đủ mọi cách để về sống chung với vợ chồng nàng. Tịnh thương ba mẹ. Nàng vì chữ hiếu mà thuyết phục chồng mang ba mẹ về để đền

ơn sanh thành dưỡng dục. Nhưng sóng gió đã nổi lên. Hàng ngày, nàng nghe những lời trách móc của ba mẹ, của các em về Sơn. Ba mẹ cho rằng Sơn là thằng mất dạy, hỗn láo. Và ông bà luôn nặng lời chê trách nàng không biết khuyên nhủ chồng. Một bên là chồng, một bên là ba mẹ. Thương chồng thì bị ba mẹ chửi mắng là đồ bất hiếu. Kính trọng, bênh vực ba mẹ thì chồng giận dữ. Tịnh cảm thấy khổ tâm và khó xử vô cùng. Hạnh phúc giữa nàng và Sơn càng ngày càng nhạt dần.

Một ngày kia, khi đi làm về, nàng đã thấy ba mẹ chuẩn bị áo quần, đồ đạc để dọn đi. Vừa thấy nàng về, mẹ nàng đã bù lu, bù loa mắng như tát nước vô mặt:

– Đây là đứa bất hiếu. Con người ta lo cho cha, cho mẹ. Còn mày chỉ biết có thằng chồng của mày. Tao không hiểu sao mày lại lấy một thằng thất học.

Tịnh đứng sững không biết nói sao với mẹ thì lại nghe cha căn nhắc:

– Chồng mày nó không muốn thấy tao với má mày ở trong căn nhà này. Mặt nó tối ngày như đưa đám. Ngày mai tao với má mày phải dọn đi chỗ khác.

Tịnh phân trần:

– Ba mẹ giận ảnh làm chi. Tại tính ảnh như vậy nhưng mà ảnh tốt. Ba mẹ nên thông cảm bỏ qua.

Mẹ nàng bù lu bù loa than khóc, mắng nhiếc:

– Hể tao nói động tới chồng mày là mày bệnh. Mày mê nó quá nên đầu còn

biết chi đến mẹ cha. Tao sanh mảy ra, nuôi lớn lên uống công mà không đền bù được gì. Từ giờ phút này coi như tao không có sinh mảy ra.

Mẹ nàng nói một hơi toàn những lời cay nghiệt khiến nàng đau đớn. Vậy là nàng ra đời tức phải mang ơn, mang nợ mẹ cha. Cái nợ sanh thành dưỡng dục đó nàng đã ghi khắc trong lòng và nàng vẫn hằng mong đền đáp. Nhưng cha mẹ sinh con ra không có nghĩa là bắt con phải tuân thủ theo tất cả những gì mình mong muốn, không có nghĩa là không điếm xỉa gì đến hạnh phúc của con và bắt con phải hy sinh tất cả cho mình để trả nợ cho lại công lao nuôi dưỡng. Đôi lúc nàng ước mong rằng nàng đừng sinh ra trên cõi đời này. Hạnh phúc của nàng càng lúc càng mong manh. Sơn nghĩ rằng nàng xem cha mẹ hơn chồng. Nàng đã buộc anh phải sống chung với cha mẹ vợ không chút biết điều và không biết chia xẻ bất cứ một thứ chi phí nào trong nhà. Từ tiền nhà, tiền ăn, tiền nước, điện... ngay cả tiền cho ba vợ hàng tháng để dần túi cũng chưa đủ xoá đi sự ghét bỏ trong lòng của họ.

Khi ba má nàng dọn ra riêng cũng là lúc Sơn chán ngán nàng. Nàng buồn nên thường xuyên trách cứ anh là đã không biết đối xử với cha mẹ nàng. Cưới nhau chưa đầy một năm mà luôn luôn có cãi vã và bao giờ Sơn cũng là người bỏ đi. Nhiều lúc anh đi đến vũ trường, những hộp đêm, những quán rượu cho đến nửa

đêm mới về. Tịnh phải một mình cẳng đàng tiệm Nail và lo trong ngoài. Thế rồi chiến tranh gia đình đã thực sự bùng nổ:

_ Anh đã chán tôi rồi phải không? Tại sao anh không chịu đi làm mà cứ la cà đàn dúm với bạn bè.

_ Ở nhà thì bà cần nhằn, đi chơi bà cũng cần nhằn. Vậy bây giờ tôi phải làm sao?

_ Anh phải đi ra tiệm để phụ tôi làm chớ.

_ Hừ! Ra đó để làm cái gì. Tôi không muốn ra đó đâu. Tôi muốn cô bán hết nhà cửa, tiệm Nail để đi thật xa khỏi cái xứ sở này.

_ Anh có điên không? Cơ ngơi này tôi đã xây dựng mấy năm nay. Bộ anh tưởng dễ dàng để có chắc.

_ Tôi không cần những thứ này. Cô không đi thì tôi cũng đi.

_ Anh định đi đâu? Anh thù ghét ba má tôi rồi bây giờ trả thù tôi chắc.

_ Gia đình cô xem tiền bạc là trên hết. Tôi không thích ở đây. Nếu cô thương tôi thì phải rời khỏi nơi này.

_ Đó là ý muốn của anh. Còn tôi thì không bao giờ. Cũng tại anh một phần không biết đối xử nên ba mẹ tôi phải dọn nhà đi chỗ khác. Nếu anh đừng nóng nảy, gắt gỏng thì mọi việc đâu đến nỗi như vậy.

Sơn bực bội đá văng chiếc ghế gần bên. Giọng anh gần từng tiếng:

_ Gia đình cô không biết điều. Họ chỉ muốn nhìn vào cái tiệm Nail và căn nhà này.

_ Anh quá cố chấp. Anh coi tiền bạc lớn hơn cha mẹ tôi.

Sơn gào lên:

_ Cha mẹ cô ở đây không tốn một đồng. Như vậy chưa đủ sao. Tôi hỏi cô, ở xứ sở này mà cái gì cũng thừa hết còn chưa vừa lòng. Nếu cô nghĩ rằng cha mẹ cô đúng thì thôi chúng mình nên chia tay nhau cho xong.

Tình yêu đã chết trong lòng Sơn. Anh trở nên thờ ơ và chần chối lạnh lùng. Anh cứ lang thang đi chơi hết nơi này đến nơi khác và không còn muốn về nhà. Cho đến một ngày kia, khi nàng đi làm về thấy nhà cửa trống trơn. Sơn đã cắt nát bức tranh vẽ hai người trong ngày cưới. Một đồng hình chụp chung cũng bị xé nát tan vụn vung vãi trên sàn nhà. Sau đó, nàng phát hiện ra tất cả tiền trong nhà bằng Sơn đã mang đi mất. Hạnh phúc xây dựng trên sự tranh chấp của đồng tiền không còn đứng vững. Và oái oăm thay nàng lại mang bầu trong lần ân ái cuối cùng...

* * *

Năm năm sau...

Cũng vào mùa đông. Tuyết rơi nhiều hơn mọi năm. Nhiệt độ xuống thật thấp. Báo chí và đài truyền hình, truyền thanh luôn loan tin sẽ có những trận bão tuyết cao đến 7, 8 bộ Anh. Mưa đá sẽ rơi trong suốt mấy tuần liền. Chưa đến ngày Noel mà tuyết đã rơi trắng xóa mặt đất. Sáng ra đi làm Hiền và Tịnh phải thức dậy thật sớm

để cào tuyết đang bám đầy xe. Dù mang găng tay, mặc áo khoác dày che kín, cả hai vẫn cảm thấy cái lạnh se thắt làm tê cóng hai bàn tay và đôi chân. Hai ngày sau, mưa đá bắt đầu rơi. Những viên đá nhỏ tròn, trắng muốt như hạt muối cứ rơi lộp bộp trên nóc nhà. Tất cả trường học, tiệm quán, công ty... đều có lệnh đóng cửa. Suốt cả tuần, tuyết vẫn dày đặc. Bé Kha đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài và hỏi Hiền:

_ Dì ơi! Dì có nhìn thấy người đàn ông đeo đen kính đứng dưới gốc thông mỗi đêm không?

_ Dì không để ý.

_ Con thấy ông ta hoài hà. Hôm bữa mình ra sân cào tuyết, con có nói chuyện với ông ta. Ông ta có cho con một chú chó con đó. Ông ta không có nhà hả đi?

_ Vậy con chó bông là của ông ta cho con đó hả. Dì lại tưởng gió bay đến trong cơn bão tuyết chứ. Sao con không nói cho dì và mẹ biết.

Bé Kha ngược đôi mắt ngây thơ nhìn Hiền nói:

_ Ông ta tốt với con lắm. Ông ta ôm hôn con nữa đó dì. Chắc ông không có nhà cửa nên tuyết lạnh như vậy mà đêm nào cũng thấy đứng ở đây rất lâu.

_ Có thể lắm. Xứ sở này giàu có nhưng cũng có nhiều người vô gia cư không nhà cửa, không gia đình. Họ sống lang thang trên hè phố.

_ Dì ơi! Mùa đông này tuyết nhiều lạnh lắm! Hay là mình cho ông ta ở ké đi dì.

Hiền phì cười và nói:

_ Con hỏi mẹ thử xem mẹ có bằng lòng cho ông ta ở ké không?

Thằng bé chạy đến bên Tịnh hỏi dồn dập:

_ Mẹ ơi! Mình có nên cho cái ông đứng dưới cây thông vô ở nhờ mấy bữa hôn mẹ.

Tịnh đang ngồi tính sổ sách chợt ngừng lại, ngẩng lên nhìn con mỉm cười:

_ Cái ông nào?

Thằng bé nắm tay mẹ kéo ra cửa sổ:

_ Mẹ có thấy ông ta không. Cái ông đó đó. Trời lạnh căm, tuyết rơi như vậy mà đêm nào cũng đứng dưới gốc thông.

Tịnh có cảm giác sợ sệt khi nhìn người đàn ông lạ một tuần nay lảng vảng quanh đây. Nhiều đêm từ tiệm về nhà, Tịnh thấy ông ta vẫn đứng đó cho đến nửa khuya. Có điều gì không ổn trong tâm tư nàng khi thấy người đàn ông mặc chiếc áo dạ đen củ kỹ dài chấm gót, đầu đội mũ rộng vành che lấp khuôn mặt. Dưới ánh đèn đêm, nàng không thể nào nhìn rõ khuôn mặt ông ta. Tịnh rùng mình kéo con vào trong và đóng kín cửa lại:

_ Mẹ cũng muốn giúp ông ta lắm. Nhưng người lạ, mình không biết họ tốt hay xấu không thể đem vào nhà.

Thằng bé phụng phịu:

_ Con thấy ông này không xấu đâu – Vừa nói nó vừa chạy vào trong lấy ra con chó bông rất đẹp khoe – Hôm trước con ra sân chơi, ông ta cho con chó này.

Tịnh bối rối xoa đầu con:

_ Ồ để ngày mai mẹ sẽ nói chuyện với ông ta. Thôi con đi ngủ đi.

Hiền dẫn Kha vào phòng. Nàng đắp chăn cho nó và dỗ dành:

_ Con ngủ đi. Ngay mai dì cũng sẽ nói chuyện với ông ta.

Bé Kha cười.

_ Dì hứa há.

Nàng hôn bé Kha rồi ra phòng khách nói với Tịnh:

_ Trời đất ơi! Không hiểu tại sao bé Kha lại để ý người đàn ông đó.

_ Em thấy ông ta có dáng dấp... nhưng không hiểu sao em sợ quá!

_ Ở xứ này bây giờ thấy người lạ cứ đứng nhìn lên cửa sổ mỗi đêm là nổi da gà.

_ Em muốn gọi cảnh sát tới.

_ Thôi đừng làm vậy. Biết đâu mỗi đêm ông ta đứng đây đón người thân về.

Tịnh lắc đầu:

_ Tại sao ông ta không đứng ở chỗ khác kín gió hơn mà đứng ở đó... chị phải cẩn thận.

_ Tôi không sợ đâu.

Ba hôm sau người đàn ông bỗng dưng biến mất. Bé Kha không còn hỏi nữa và Hiền cũng không còn quan tâm. Riêng Tịnh thì im lặng.

Một tuần sau, khi bé Kha đã ngủ, Hiền và Tịnh đang ngồi xem tivi. Cả hai nói chuyện vui vẻ thì Tịnh chợt nghe người xướng ngôn viên nói về cái chết của một người đàn ông Việt Nam. Ông ta

chết cồng trên góc giáo đường N... Tịnh giật mình buông rơi chiếc tách danh cầm trên tay bể tan tành. Nàng quy xuống. Hiền hết hồn đỡ tịnh dậy hỏi:

_ Tịnh làm sao vậy?

Tịnh chỉ lên màn ảnh lấp bắp nói trong màng nước mắt:

_ Chị có thấy người đàn ông chết cồng có giống người đàn ông đứng bên cửa sổ nhà mình không?

_ Có thể! Tội nghiệp quá!

Giọng Tịnh rên rỉ:

_ Tại em đã gọi cảnh sát đến... tại sao em lạnh lùng tàn nhẫn đến như vậy. Tại sao em không ra tay cứu vớt một người cùng khổ hả chị – Tịnh gục đầu khóc nức nở. Hiền lấy làm lạ và không hiểu vì sao một người xa lạ chết, Tịnh lại buồn đến như vậy nên nàng dỗ dành:

_ Hàng ngày có biết bao nhiêu người chết Tịnh. Thôi đừng buồn. Đâu phải tại Tịnh mà ông chết.

_ Tại em. Tại em. Nếu em nghe lời bé Kha cho ông ta tá túc vài hôm có lẽ ông ta không chết cồng ngoài đường. Chị có tin không... người đàn ông đó là Sơn, ba của bé Kha. Người mà trong thâm tâm em vẫn yêu thương và mong mỗi anh ấy sẽ trở về...

Hiền thần thờ. Nàng ngồi phịch xuống đất kêu lên:

_ Trời! Ba của bé Kha. Tại sao lại ra nông nỗi như vậy.

Bé Kha chợt thức giấc. Nó chạy ra kêu mẹ:

_ Mẹ ơi! Con lạnh quá.

Thấy mẹ khóc nó hỏi:

_ Tại sao mẹ khóc? Ai làm mẹ buồn.

_ Không có ai làm mẹ buồn. Mẹ nhìn tuyết rơi mà nhớ người đàn ông đứng dưới gốc thông cách đây hai tuần.

_ Con không thấy ông ta nữa.

_ Ngày mai mình sẽ đi thăm ông ta. Con có thích hôn?

Bé Kha áp đầu vào vai mẹ cười:

_ Thật hả mẹ. Con muốn hỏi ông ta đứng như vậy có lạnh không?

Tịnh ứa nước mắt. Nàng nâng con lên vai và nhìn ra ngoài trời đêm. Tuyết vẫn rơi trắng cả đất trời. Tuyết lạnh lùng băng giá hay trái tim con người băng giá?

Một hồi chuông nhà thờ lạnh lạnh ngân vang, lay động cả không gian trong đêm thanh vắng. Tịnh hình dung ra khuôn mặt tươi vui, yêu đời của Sơn trong ngày cưới và đôi mắt đăm đăm buồn của người hành khất mỗi đêm nhìn qua khung cửa nhà nàng thêm khát hạnh phúc...

Người hành khất đã mang vào lòng đất lạnh niềm mơ ước tìm lại hạnh phúc xa xưa. Và mãi mãi trong thế giới im lặng, hư vô đó, không còn tồn tại sự đam mê, tranh chấp, phản bội, tham lam, lọc lừa, ích kỷ. Anh tan biến trong lòng đất giống như sự hiện hữu đầu tiên khi cất tiếng khóc chào đời. Đất trời vẫn vẫn vũ và muôn đời lập lại tất cả những biến động như nhau.

Phong Thu (Maryland)

Nhớ Về Những Lời Ca Cũ

VŨ NAM

Tháng 10, 1980 gia đình chúng tôi và những người bạn đồng hành trong cuộc vượt biên nguy hiểm, cùng với gần 600 người vượt biên khác đã được tàu Cap Anamur Tây Đức cứu vớt ngoài biển Đông mang vào gửi ở trại tị nạn Palawan, Phi Luật Tân.

Buổi trưa tàu chạy dọc theo đảo Palawan của miền tây nam nước Phi. Sóng biển khi tàu đi sát bờ không còn dữ dằn như hôm qua hôm kia, lúc tàu đang giữa biển. Trong cơn bão, dù nhỏ, nhưng tàu vẫn lắc lư, chòng chành, mặc dù đang chạy. Gió phất trên boong tàu, làm chúng tôi dù nằm sâu ở dưới lòng tàu cũng thấy chóng mặt. Thỉnh thoảng một cơn gió mạnh, một cơn sóng mạnh tạt những làn nước biển xuyên qua cầu thang, xuống tận nơi chỗ nằm của chúng tôi, cũng làm ướt áo. Thuyền trưởng báo trời đang có bão, tàu sẽ rời vùng bão, sẵn dịp mang người tị nạn vào gửi ở trại, không chạy lên chạy xuống, dọc theo ngoài hải phận Việt Nam để cứu vớt người vượt biên như mấy hôm nay nữa.

Nghe được tin này chúng tôi thật mừng. Thật tình lúc đó, tôi không còn nghĩ đến những đồng hương khác đang lặn hụp trong bão tố giữa biển khơi với

những chiếc ghe xuồng nhỏ của họ. Lo cho riêng bản thân và gia đình mình là suy nghĩ gần như của toàn xã hội trong những ngày khổ sau khi hòa bình đã lập lại! Và phần khác cũng vì đã mười ngày rồi, đồng người trên tàu quá nên không còn đủ nước ngọt. Chuyện tắm giặt phải hoàn toàn bằng nước biển. Máy lọc nước mặn thành ngọt của tàu đủ để nấu thức ăn, nước uống. Mọi người chỉ còn trông sớm lên đảo để có nơi tắm giặt bằng nước ngọt.

Màu xanh lá cây rừng dọc bờ biển đảo Palawan bạt ngàn nằm trong màng sương biển. Những hạt mưa nhỏ vì ảnh hưởng của cơn bão ở biển Đông vẫn còn vây quanh, phủ trùm lên cảnh vật với màu trắng mỏng. Tàu đang chạy trong vùng vịnh, nên chỉ còn những con sóng nhỏ đánh vào hông tàu. Mọi người được phép lên boong tàu để xem cảnh vật. Quang cảnh trên đảo không có núi cao, không thấy những căn nhà, chỉ toàn thấy một màu xanh của những cánh rừng miền nhiệt đới. Chúng tôi đi tới lui trên tàu và rất phấn khởi để chuẩn bị lên đất liền, về trại tị nạn, sau khi tàu cập bến.

Rời tàu cũng vào bến đậu. Lâu rồi tôi cũng không còn nhớ rõ, nhưng hình như là đoàn các em Hướng Đạo Sinh ra gần cầu thang tàu đứng thành hàng để chào đón chúng tôi. Những em thanh thiếu niên mặc áo quần đồng phục, áo vàng, quần xanh ngắn, khăn quàng cổ cũng màu xanh, đẹp. Mấy em được các anh chị mặc

quần áo đồng phục, dài, thơm tất, hướng dẫn. Chúng tôi từ già các bác sĩ, y tá, nhân viên trên tàu, rồi từng người rời tàu, xuống các ghe nhỏ để vào bờ, nơi đó đã có những chiếc xe buýt đang chờ để chở chúng tôi về trại.

Đến trại trời đã bắt đầu tối, nên không thấy được toàn cảnh. Mọi người được đưa vào một phòng lớn, người hướng dẫn nói đó là hội trường. Mỗi người một chiếc chiếu, trải ra nằm tạm, sát nhau, trên nền xi-măng. Trên trần nhà một bóng đèn vàng, đủ ánh sáng để không đâm đập lên nhau khi phải đi lại trong đêm.

Hôm sau, khi chưa tỉnh ngủ hẳn đã nghe tiếng nhạc „đánh thức“ bằng một giai điệu rất rộn ràng. Điệu nhạc cứ lặp đi lặp lại. Làm ai không thức dậy nổi cũng phải dậy để ra phòng-tên lấy nước rửa mặt sút miêng, chuẩn bị lãnh bánh mì ăn sáng.

Nhưng điệu nhạc „đánh thức“ vào buổi sáng này không làm tôi ngạc nhiên bằng những lời ca trong các bản nhạc sau đó được trại cho phát trong ngày, mà sau này hỏi ra tôi mới biết tựa và tác giả của nó như Lời Kinh Đêm, Em Vẫn Mơ Một Ngày Về, Một Chút Quà Cho Quê Hương, Mời Em Về, Mưa Sài Gòn Còn Buồn Không Em... của Việt Dzũng và Nguyệt Ánh, hai ca nhạc sĩ ra đi tị nạn từ năm 75.

Lời ca bản nhạc làm tâm hồn những người mới lên đảo đắm chìm lại trong nỗi ký ức đã hằn dấu từ những năm 75 ở quê nhà: những tù tội, nhọc nhằn, đổ vỡ, tan thương, xót xa, gào khóc và khổ..., những tình từ trầm luân này vẫn chưa nói hết nổi

những đoạn đường khổ nhọc của người dân Việt Nam kể từ ngày 30 tháng tư, tôi nghĩ vậy. Lời là thế, nhưng hay hơn nữa phải nói là điệu nhạc. Có những điệu nhạc sao buồn quá, như bản Một Chút Quà Cho Quê Hương, Mưa Sài Gòn Còn Buồn Không Em, Lời Kinh Đêm... Lời và nhạc hòa quyện lại với nhau trong những vần điệu buồn.

Em gửi về cho anh dăm ba điều thuốc, anh đốt cháy cuộc đời cháy mồn trên ngón tay, gửi về cho mẹ trăm chiếc kim may, mẹ may hộ con quê hương quá đọa đây..... Hay:

Mưa Sài Gòn, ôi mưa Sài Gòn bờ đại dương em còn chờ đón, ta ra đi mất lối quay về, rồi chiều mưa ai đón đưa em...

Nhưng có những điệu nhạc và lời ca sao hùng dũng quá, can trường quá, như trong bài Em Vẫn Mơ Một Ngày Về:

Em vẫn mơ một ngày nào tay chúng ta chung một màu cờ trên con đường làng...

Giọng ca Nguyệt Ánh, Việt Dzũng thật truyền cảm. Truyền cảm ở đây trong ý nghĩa uất nghẹn, đau thương trong tình yêu quê hương đất nước, tình yêu thương những thành phố, con người còn ở lại VN, con người nằm dưới lòng biển sâu, con người tập giạt vào bờ đất Thái, Phi, Indo. với „đong đầy nước mắt“. Và truyền cảm trong niềm tin yêu hy vọng cho tương lai đất nước, chứ không phải là nghĩa truyền cảm thường tình của tình

YÊU NGƯỜI NGƯỜI YÊU LÀ THẾ ĐÂY

**Em đi rồi
Thương bao người ở lại
như con suối khóc thương cây
rừng về nhớ lá.**

**Em đi rồi để lại
người ngồi đây
giữa một trời băng khuâng
nhìn từng ngày hối tiếc.**

**Có con chim vàng anh
vừa vụt bay
để lại cành
một mình trơ trụi.**

**Có đám mây
vừa nổi trôi
không giữ được.**

**Một cánh cửa
vừa khép.**

**Dzũng ơi
Yêu người
Người yêu là thế đấy./.**

Yên Vi

yêu trai gái. Và đặc biệt sau cùng là bản nhạc Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa. Chúng tôi, cùng tất cả người Việt tị nạn

trong trại, ra đứng làm lễ chào quốc kỳ đầu tiên do trại tị nạn tổ chức vào buổi sáng đầu tuần, sau ngày đặt chân lên đảo: „*Này công dân ơi đứng lên đáp lời sông núi, đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống.....*“, cùng với ngọn cờ vàng ba sọc đỏ từ từ kéo lên, tung bay trong làn gió biển, làm lòng tôi rúng động, ngập tràn niềm thương cảm, nhưng nhớ cho màu cờ, tiếng ca từ bản nhạc, mà đã năm năm qua tôi không một lần thấy và nghe được khi còn ở Việt Nam.

Trải qua những ngày khổ cực ở quê nhà, hải hùng tại bờ biển trong những đêm vượt biên, hôm nay đứng chào cờ và hát quốc ca VNCH trên mảnh đất xa lạ Phi, dưới ánh nắng ấm áp, chan hòa, mùi hương biển của thành phố Puerto Princessa trên đảo Palawan, hàng trăm con người tị nạn VN đứng yên lặng, trầm buồn để nghĩ về thân phận thuyền nhân của thời hiện tại.

Rồi cứ mỗi ngày qua, tiếng nhạc đánh thức, tiếng ca Việt Dzũng, Nguyệt Ánh cứ vang lên trong trại. Tiếng ca hối thúc, kêu gào, tiếng ca mang niềm tin yêu lại cho con người, hòa lẫn với con sóng biển vỗ về đập vào bờ của trại tị nạn, mỗi ngày, mỗi tuần, đã trở thành âm thanh thân yêu, quen thuộc.

Có những buổi chiều tôi đi dạo dọc theo bờ biển của thành phố này, đi xa khỏi trại, đi trên những dải cát trắng, dưới những hàng dừa, nhìn những người Phi chạy bộ thể thao dọc theo bờ biển, nhìn ra xa những con chim biển, một cảm giác nhớ nhung về nơi làng quê tôi sinh ra,

cũng biển, hiện về, nhưng lập tức phải cố quên ngay vì nơi làng quê đó, những bờ biển đó, hôm nay bạo lực dầy dầy, mà tôi đã từng chứng kiến cách đây không lâu, khi những người công an, cán bộ địa phương đã đối xử như thế nào với những người vượt biển, khi ghe họ bị bão hay hư máy, buộc phải tấp vào nơi bờ biển quê tôi mong thoát qua cái chết giữa biển, nhưng để rồi phải hứng chịu những trù dập, đánh đập ngay tại bãi biển của quê hương VN mình. May mắn tôi và gia đình đã vượt thoát ra khỏi nước cũng ngay tại bãi biển quê nhà, mà không phải gặp cảnh hãi hùng, tù tội, như các người anh em thiếu may mắn khác.

Sau một tháng ở Palawan, chúng tôi được đưa về trại tị nạn Bataan. Chín tháng dài ở đây tôi không một lần nghe lại được nhạc của NA, VD. Ở miền rừng núi nơi đây chúng tôi chỉ còn nghe tiếng mưa rơi, tiếng suối reo thay cho lời ca tiếng hát.

Sau này, khi đã định cư ở Đức mới lại được nghe lời nhạc tiếng ca của NA, VD, từ chiếc máy cassette và tiếp đó là những bản nhạc viết về đời tị nạn rất hay như Sài Gòn Niềm Nhớ Không Tên:

Sài Gòn ơi ta có ngờ đâu rằng, một lần đi là một lần vĩnh biệt, một lần đi là ta mất nhau rồi, một lần đi là mãi mãi chia xa... Thật nhức nhối.

Nhưng cuộc sống mới ở xứ người, những đứa con tiếp tục lần lượt ra đời, việc học nghề nghiệp. công ăn việc làm.... Bao

việc đó đã làm cho tôi hầu như dần quên một thú vui căn bản là: nghe nhạc. Thú thật, nhiều tháng không nghe nhạc một lần! Không những không còn nghe những bản nhạc đấu tranh của VD, NA, mà ngay cả những bản tình ca dễ thương mà tôi thích nghe như Hạ Trắng, Diễm Xưa, hay những tình ca quê hương, tình ca người lính như Khúc Ca Ngày Mùa, Chuyện Một Chiếc Cầu Đã Gãy, Trên Bốn Vùng Chuyến Thuật, Rừng Lá Thấp v.v... bao tháng miệt mài tôi vẫn không một lần nghe. May mắn là vào dịp có Tết Nguyên Đán, khi các hội đoàn tổ chức gặp gỡ, văn nghệ đón xuân giữa mùa đông xứ người, đến, tôi mới nghe lại được những bản nhạc quê hương thân yêu này. Lòng chùn xuống trong điệu nhạc, lời ca.

Chính những lời ca tiếng hát này đã làm tâm hồn thanh thiếu niên chúng tôi ngày trước.... hiện. Tôi có ý nghĩ như vậy. Hàng ngàn lời ca trong hàng trăm bài hát đều nói lên tình yêu. Yêu trong tuổi học trò ...*Mỗi năm đến hè lòng man mác buồn, chín mươi ngày qua chứa chan tình thương...* Tình yêu trong thời chinh chiến... *Tôi có người yêu tuổi ngọc vừa tròn vì chinh chiến ngược chưa về thăm một lần.... Về đây bên nhau ta nói lại tình thương...* Và còn biết bao nhiêu là lời ca hiện hậu đây ân tình.

Bây giờ, nhìn về xã hội VN, sao ai cũng nói trẻ em bây giờ ngộ nghĩnh quá, ai cũng than sao thanh niên bây giờ dữ quá, từ một cái nhìn, một câu nói cũng có thể đâm chém nhau; ngay cả các cô nữ

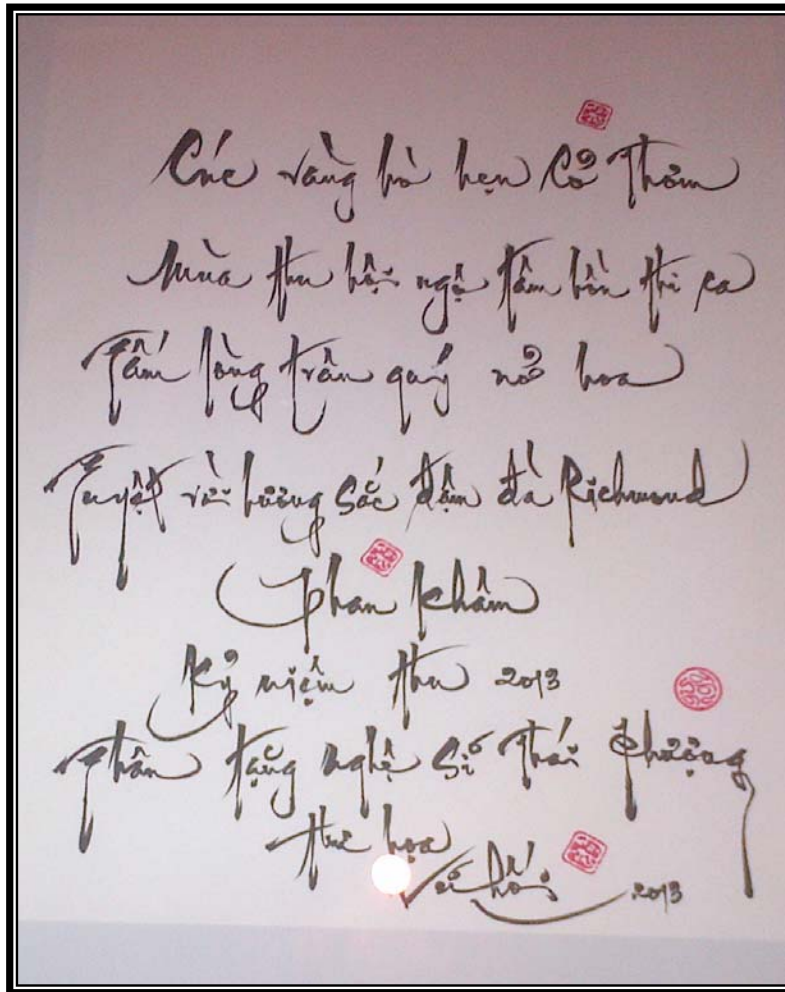
sinh 14, 15 tuổi cũng có thể ôm đầu đánh nhau ngoài đường! Lỗi tại ai, chắc ai ai cũng biết! Với rất nhiều lý do.

Bao giờ con cháu chúng ta không còn nghe những câu hát như „,thề phan thay uống máu quân thù“, những câu thơ như „giết giết nữa bàn tay không mệt mỏi“, và khi các giai thoại nhạc quê hương ngày xưa trở

lại thịnh hành, phổ biến, để mỗi con em đều có thể thuộc lòng, ca lên, có lẽ lúc đó lớp trẻ mới lớn của người Việt trong nước sẽ từ từ hiện hậu lại. Tôi tin chắc như vậy.

Vũ Nam

(Germany)



XUÂN VÀ ĐẠO PHẬT

TRƯỞNG ANH THỤY

Có người cho rằng ở Việt Nam hội xuân có trước, Phật giáo đến sau. Trong một quyển sách mới viết về Tết bằng tiếng Anh, tác giả đưa ra thuyết nông nghiệp đã đến nước ta cách đây cũng đến cả 6-7 nghìn năm, trong khi đó Phật giáo chỉ mới đến nước ta cách đây chưa đầy hai nghìn năm, vào khoảng thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên.

Vì vậy nên các hội xuân mà sau này trở thành Tết dân tộc mang nhiều ý nghĩa phồn thực, nghĩa là con người ta muốn bắt chước thiên nhiên mà sinh sôi nảy nở. Những trò chơi ngày Tết như đánh đu, bắt trạch, hát hội, thi thổi cơm mà trong đó người con gái phải tay bồng một đứa bé, tay kia lại phải cầm một cây gậy, chắn không cho một con cóc nhảy ra ngoài một cái vòng, mà rồi vẫn đong gạo, vo gạo, thổi lửa cho nồi cơm chín mà không “trên sống, dưới khô, từ bề nát bét”—tất cả những trò chơi đó tượng trưng cho cái gì nếu không phải là khuyến khích cho trai gái gần gũi nhau

để xây dựng gia đình sau này, để có con có cái, góp tay làm vào nghề nông, giúp

ích trước nhất cho gia đình rồi sau đó cho xã hội.

Tinh thần đó, tinh thần tham gia rất tích cực vào xã hội nhân quần, có người cho là đi ngược lại cái nếp ở ẩn đi tu, những điều Phật giáo dạy. Song liệu hiểu như thế có đúng không?

Chúng ta biết vai trò rất tích cực mà các thiền sư đã đóng trong thời đại dựng nước, củng cố nền độc lập quốc gia cách đây hơn một nghìn năm, sau một thời gian dài bị người Hán đô hộ; những hiểu biết mà các thiền sư đã đem đến cho các vua như Lê Đại Hành rồi Lý Công Uẩn và nhiều đời sau nữa, có thể tính sang cả thời Trần. Song những lời khuyến cáo đó liên hệ đến cách trị dân, giữ nước, chứ không cho ta biết gì về những suy nghĩ của các thiền sư thời bấy giờ, đối với quan niệm Xuân như ta thấy phổ biến trong dân gian.

Xuân, theo quan niệm phổ cập trong dân gian, lại là mùa của tình ái, của tuổi trẻ, của trai gái, của đam chồi nảy lộc, của đơm hoa kết nụ. Hồ Xuân Hương

mà chúng ta biết là rất gần lối suy nghĩ của người bình dân, với những câu như “quần hồng phơi phơi” với “Hai hàng chân ngọc ...vv...” (trong bài “Đánh Đu”), rõ ràng là một cảnh Xuân, Xuân bất tận của thiên nhiên...

Trước sức sống trở dậy của vạn vật vào những tháng đầu năm Âm lịch, một sức sống mà như có mạch ngầm chảy sang ta, để ta thấy yêu đời và yêu người hơn, thì quả thật, những lời dạy của Phật như “đời là bể khổ” nhiều khi cũng không khỏi bị lãng quên đi đôi chút.

Nhưng các thiền sư ở xứ ta không phải là những người xa rời cuộc sống và thực tế đến nỗi không biết đến thế nào là Xuân. Cách đây gần một nghìn năm, Mãn Giác Thiền sư đã có bài “Cáo tật thị chúng” để nhắc nhở chúng ta về sự tuần hành của thiên nhiên, và cái chết chẳng qua cũng chỉ là một dạng phải có, trước cái sống trở lại, có sinh thì phải có diệt và có diệt thì mới có sinh. Ta biết Thiền sư làm bài “Cáo tật thị chúng” vào năm 1096 vì đó chính là năm Ngài mất. Bài này, Ngài làm vừa để nhắc nhở, vừa để an ủi các đệ tử, đứng trước khi vĩnh viễn ra đi:

“Xuân khứ, bách hoa lạc.

“Xuân đáo, bách hoa khai.

“Sự trục nhõn tiền quá,

“Lão tông đầu thượng lai”

để rồi kết bằng hai câu nổi tiếng:

“Mạc vị xuân tàn, hoa lạc tận!

“Đình tiền, tạc dạ, nhất chi mai.”

Họa sĩ kiêm nhà văn Võ Đình đã dịch bài thơ trên ra tiếng Việt như sau:

“Xuân đi, trăm hoa rã

“Xuân đến, trăm hoa khai.

“Xem chuyện đời trước mắt,

“Tóc trên đầu đã phai

“Chớ bảo Xuân tàn, hoa rụng hết!

“Tối qua, vườn trước, một cành mai!”

Theo nhà văn Hồ Trường An, một Phật tử có kiến thức rộng về đạo Phật thì, cốt tủy Phật Giáo căn cứ trên tinh thần “bất nhị” hoặc còn gọi là tinh thần “bát nhã”. Bài thơ của Mãn Giác Thiền Sư nói lên được cái tinh thần “bất nhị” đó. Ông nói: “Trong cuộc đời, tất cả đều theo luật sinh diệt (Xuân đến trăm hoa khai: **sinh**. Xuân đi, trăm hoa rã: **diệt**.) Con người ai cũng phải trải qua từ trẻ đến già.

Hai câu chót là hai câu quan trọng nhất: Chúng ta đừng cho tất cả đều chịu số phận tiêu diệt, vì chúng ta còn lại cái CHÂN TÂM vốn là bất sinh bất diệt (*Tối qua, vườn trước, một cành mai.*) Tinh thần bất nhị là cái CHÂN TÂM được tượng trưng bằng một cành mai. CHÂN TÂM không sinh, không diệt tức là bất nhị. Sinh và diệt là hai cõi nghịch nhau, không sinh không diệt tức là không có hai cái đối nghịch. Mà không có đối nghịch tức

là bất nhị, là MỘT.”

Âm-hưởng của bài này, sau một nghìn năm, vẫn vang vọng đến chúng ta, để ta có thể cảm thấy thật gần gũi với cách nhìn của Thiền sư, và thấy lòng được an ủi phần nào—hơn thế nữa, được thấy rộn lên một niềm vui thanh thản trong những ngày đầu xuân ấm áp!

Nhưng lạ hơn cả, là sau khi dịch giả Nguyễn Ngọc Bích dịch bài thơ của thầy Mãn Giác sang tiếng Anh và in nơi đầu tập *A Thousand Years of Vietnamese Poetry* (“Một Nghìn Năm Thi Ca Việt Nam”), do nhà xuất bản Alfred A. Knopf in ra ở Nữu-ước vào năm 1975, thì nhiều người Mỹ đã xem bài thơ như một bài gối đầu giường của họ. Ngay từ mùa Thu năm 75, chúng tôi được biết là có một ông thầy người Mỹ dạy ESL, tức tiếng Anh cho người nước ngoài, ở trường trung học đệ nhị cấp Washington-Lee ở Arlington, bang Virginia, đã xem cuốn sách kia như một cuốn tùy thân, nhằm tìm hiểu về các học trò Việt Nam của ông. Đến khi ông mất vì bệnh ung thư ít năm sau đó, ông để lại cuốn sách cho bà vợ là một ca sĩ kiêm nhạc sĩ sáng tác Mỹ, tên Carey Creed. Cô Creed về sau lại phổ nhạc bài thơ của Thiền sư Mãn Giác thành một bài hát Mỹ rất dễ thương, và đến năm 1993 cô đã làm ra một album CD mang tên *Plum Branch*,

tức là “*Cành Mai*” lấy ngay ý của bài “Cáo tật thị chúng” làm chủ đề cho album. Báo Washington Post xem CD này thành công đến nỗi, trong nguyên một tháng trời, nếu ta gọi đến một số điện thoại do Post cung-cấp, ta có thể được người ta cho nghe bài “Rebirth” của Carey Creed.

Gần đây, một ca sĩ nổi danh khác, cô Grace Griffith lại cũng có thu bài “Rebirth” của Carey Creed trên CD của cô, do Eva Cassidy tung ra thị trường, trên label Blix Street. Tối hôm 15-1-2004, hai cô Grace và Carey còn hát chung với nhau bài “Rebirth” đó tại tiệm Cà-phê Jammin’ Java, ở trên đường Maple, khu Vienna, ở Virginia.

Xem ra thật là một cơ duyên kỳ lạ, vì trước đó độ hai tuần, một đại diện của Chùa Quốc Tế Online, liên lạc với chúng tôi và yêu cầu chúng tôi đóng góp một tiết mục nhỏ vào Chương Trình Xuân của Chùa, với một tựa đề gì đó, mà có liên quan đến Đạo Phật và Ngày Xuân. Tôi nhận lời ngay, coi đó như một cơ duyên đưa tới, để tôi có dịp cúng dường Quý Chư Tôn Đức và thánh giả bốn phương. Nhận lời rồi tôi đâm lo, tự biết mình, tuy là một Phật tử, nhưng kiến thức về Phật pháp thì rất nông cạn. Đã thế lại lục mãi trong trí nhớ, không nghĩ ngay ra được một bài văn, bài thơ nổi tiếng nào, mà cho thấy mối tương quan



Tranh lụa của cố Họa sĩ Tá Chi Trương Cam Khải

++++

giữa Đạo Phật và Ngày Xuân. Hễ cứ nghĩ đến Xuân là y như rằng, trong trí nhớ của tôi lại bật ngay ra những vần thơ của Hồ Xuân Hương với lối ỡm ờ... tuy tục mà thanh, tuy thanh mà... vẫn tục! Hoặc những câu hát phớt phớt gợi tình gợi cảm đầy sức Xuân của nhạc sĩ Phạm Duy như:

“Em như cô gái hãy còn xuân,

“Trong trắng nên chưa lấm bụi trần...”

nhưng rồi cô gái cũng có những lúc tự vấn: “Đêm đêm cô ngủ có buồn không?”

Hoặc trong bài “Xuân Ca” thì cái tình phớt phớt trong mùa Xuân lại còn thấy rõ hơn nữa:

“Xuân trong tôi đã khơi trong một
đêm vui

“Một đêm, một đêm gối chăn phòng
the đón cha mẹ về...”

hoặc:

“Xuân yêu đương, muốn căng lên
nhựa sống ngon

“Tìm em, gặp em đón Xuân nghìn
năm bão Xuân ngập lòng”

Thật là bậy quá! Tôi cứ phải đọc kinh sám hối mãi... Thì... một cơ duyên khác đưa tới... Tối ngày 14 tháng 1 năm đó anh Nguyễn Ngọc Bích, dịch giả bài thơ “Cáo tật thị chúng” của Thiền sư Mãn Giác, mời vợ chồng chúng tôi đi

nghe hai cô ca sĩ Carey Creed và Grace Griffith hát tại nhà hàng mà tôi vừa nói trên, tức là Quán Cà-phê Jammin' Java ở khu Vienna, bang Virginia.

Hai cô ca sĩ nổi tiếng này lần lượt hát những bài trong CD mang tên là Sands of Time (Những Hạt Cát Thời Gian) của cô Grace Griffith. Trước khi hai cô hát bài "Rebirth" thì tôi nghe ca sĩ Carey Creed giới thiệu như sau: "Chồng tôi ngày trước dạy tiếng Anh cho học trò ngoại quốc. Khi tiếp xúc với các trò Việt Nam, anh đi tìm hiểu về họ và mua được cuốn sách 'Một Nghìn Năm Thi Ca Việt Nam'. Anh rất thích bài thơ của Mãn Giác Thiền Sư trong đó, nên sau khi anh qua đời, tôi đã phổ nhạc bài thơ đó. Hôm nay, nếu tôi không lầm thì dịch giả bài thơ, ông Nguyễn Ngọc Bích, cũng có mặt ở đây." Tối đó anh Bích đã đứng lên trong tiếng vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt của khán thính giả." Trong khi bài hát được trình bày, tôi lắng hồn nghe từng lời, từng nốt nhạc và cảm được cả vẻ hân hoan, an lạc trên nét mặt của hai ca sĩ... Lúc đó chính tôi cũng thấy thư giãn, lâng lâng thoát tục...

Sau buổi trình diễn, tôi thấy cô Carey Creed, tác giả của bản nhạc, và cũng là một trong hai ca sĩ vừa hát, xuống chỗ anh Nguyễn Ngọc Bích ngồi, cảm ơn anh một lần nữa và nói: "Lời thơ của Thầy Mãn Giác làm chúng tôi thấy

yêu đời và tràn trề hy vọng." Còn cô Grace Griffith thì đề trên CD tặng anh Bích là: "Công việc anh làm cho cuộc đời đẹp hẳn lên." (Your work makes the world more beautiful.)

Trong buổi nói chuyện trên đài Chùa Quốc Tế Online, tôi cũng chia sẻ với quý Chư Tôn Đức và quý thính giả, bài "Rebirth" với giọng hát của ca sĩ Grace Griffith trong CD của cô, mang tên là Sands of Time. Lời lẽ như sau:

*Spring comes, and the hundred flowers.
Spring goes, and the hundred flowers.
My eyes watch things passing,
my head fills with years.*

*But when the spring has gone not all
the flowers follow.*

*Last night a plum branch blossomed
by my door.*

Thế mới biết, một bài thơ hay, một bài hát hay, có thể vang vọng qua một nghìn năm, vang vọng từ Đông sang Tây, từ Việt Nam sang đến Mỹ để thành một bài hát có ý nghĩa ngay cả đối với thế hệ và tuổi trẻ Mỹ ngày hôm nay. Việc nhạc sĩ Carey Creed phổ nhạc và hát bài thơ bất hủ của Thiền sư Mãn Giác từ thế kỷ 11, là một niềm hân hoan và hãnh diện cho không những Phật tử, cho tất cả người Việt chúng ta, mà còn cho nền văn hóa Việt Nam mãi mãi về sau.

Trương Anh Thụy

Chi

Phạm Hữu Bình

Washington, DC, một ngày Chủ Nhật đẹp trời giữa tháng 9 năm 1977. Du khách lũ lượt đi chơi trong công viên The National Mall, nơi có những viện bảo tàng nổi tiếng như Bảo Tàng Viện Không Gian và Phi Hành, Bảo Tàng Viện Lịch Sử Thiên Nhiên, v.v...

Chi đưa chiếc máy ảnh lên nhằm vào người chồng đang bồng đứa con trai đứng gần một pho tượng lớn và bấm lia lịa. Những tia sáng lóe ra từ flash của máy ảnh làm đứa nhỏ khoáí trí cười lên khanh khách. Người chồng cũng cười theo. Một lúc sau, người chồng đưa đứa nhỏ cho Chi và nói: “Em bế con đứng vào chỗ bụi hoa kia để anh chụp cho.”

Bỗng có tiếng gọi: “Chị Chi! Chị Chi!” Chi quay lại và thấy một người đàn bà từ trên lề đường chạy lại, hớn hờ nói: “Chị có nhận ra em không? Em là Hường, em chị Quyên là bạn thân của chị đó.”

Chi vui cười đáp: “Trời ơi! Em lớn lên nhiều làm sao chị nhận ra ngay được. Bây giờ em nói thì chị nhận ra rồi. Thế chị Quyên thì sao? Có đi được không?”

“Đạ, chị em có đi được, nhưng theo gia đình chồng sang Pháp. Để rồi em sẽ cho chị điện thoại và địa chỉ của chị Quyên để chị liên lạc.” Hường vừa trả lời vừa đưa mắt nhìn về hướng đứa nhỏ. Chi

chiềng tay về phía chồng và con, giới thiệu: “Đây là anh Khoa, chồng chị và cháu Văn, con trai đầu lòng của anh Khoa và chị đây.”

Hường cúi đầu chào Khoa và mỉm cười nhìn đứa nhỏ: “Cháu kháú khỉnh quá. Cháu được mấy tuổi rồi chị? Mà bây giờ chị làm gì?”

“Cháu được 18 tháng, mới biết đi và đang tập nói. Sang đây chị mới sinh cháu. Bây giờ thì còn phải gửi cháu cho bà nội trông. Anh Khoa kiếm được việc ở bưu điện; còn chị thì làm cashier cho một supermarket. Chị muốn tìm việc khác mà chưa tìm được.”

“Vậ hả chị? Ngày trước chị tốt nghiệp Sư-Phạm thực hành và chị cũng thạo tiếng Anh nữa vì chị đã học ở Hội Việt Mỹ. Chị có muốn trở lại nghề dạy học không?”

“Chị muốn lắm chứ. Nhưng chị nghe nói muốn làm giáo viên ở đây phải có chứng chỉ hành nghề dạy học mà chị không có thì làm sao? Tiền đâu mà đi học lại để lấy chứng chỉ?”

“Chị ơi, bây giờ các trường học cần nhiều giáo viên lắm, nhất là giáo viên nói thạo tiếng Việt, vì có nhiều học sinh Việt Nam mới tới. Em làm thư ký cho một trường tiểu học trong khu em ở. Ông Hiệu-Trưởng ngày nào cũng nhắc em tìm giáo viên người Việt cho ông ấy. Ông ấy nói ông ấy có nhiều cách để giúp giáo viên lấy chứng chỉ hành nghề. Nếu chị muốn thì em có thể giới thiệu chị với ông Hiệu Trưởng và nói rõ chị đã dạy học

nhiều năm ở Việt Nam. Chắc là ông ấy sẽ mừng lắm.”

Nghe thế, Chi mừng ra mặt: “Nếu vậy thì chị cảm ơn em lắm. Em cho chị địa chỉ và điện thoại của em đi.”

Hường lấy giấy ghi tên, địa chỉ, điện thoại đưa cho Chi và ân cần nói: “Nếu tiện thì ngày mai chị đến nhà em sớm và em sẽ đưa chị đến trường giới thiệu với ông Hiệu Trưởng.”

Chi hồi hộp bước vào văn phòng ông Hiệu Trưởng ngày hôm sau; nhưng chỉ trong chốc lát, nét mặt nhã nhặn, giọng nói ân cần của ông Hiệu Trưởng đã làm tan biến đi những lo âu lúc ban đầu. Sau khi xem kỹ những giấy chứng chỉ của Chi, Ông Hiệu Trưởng cho Chi biết ông ấy sẽ yêu cầu phòng nhân viên làm thủ tục bổ dụng Chi làm giáo viên tạm thời, đầy đủ lương bổng và quyền lợi với điều kiện là trong vòng hai năm Chi sẽ phải hoàn tất 6 tín chỉ về phương pháp giáo dục các trẻ nhi đồng và về tâm lý trẻ em. Những tín chỉ này Chi có thể học trong kỳ nghỉ hè hay vào buổi tối ở các đại học gần đây. Ngoài ra ông Hiệu Trưởng cũng nói trong vài tháng đầu ông ấy muốn Chi dạy chung một lớp mẫu giáo với một giáo viên có nhiều năm kinh nghiệm tên là Jennifer Petersen để Chi có dịp làm quen với lớp học và cách dạy học ở Hoa Kỳ.

Mọi việc trôi chảy ngoài sức tưởng tượng của Chi. Ông Hiệu Trưởng cũng bảo Hương đưa Chi đi giới thiệu với các nhân viên nhà trường và đến gặp cô giáo Jennifer Petersen để hai người bàn luận

về lớp học.

Việc đầu tiên của Chi khi đến nhận việc là làm quen với các em ở trong lớp mẫu giáo này. Các em thuộc nhiều chủng tộc: có trẻ em Nam Mỹ, trẻ em da đen, da trắng và trẻ em Á Đông trong đó có 4 em là người Việt. Mấy em này thấy có cô giáo nói được tiếng Việt thì mừng rỡ và mạnh dạn, tự tin hẳn lên. Các trẻ em trong lớp đều tò mò về cô giáo mới và tìm mọi cơ để lại nói chuyện với Chi: “Cô Chi làm ơn buộc lại dây giày cho em.”, “Cô Chi cài hộ em nút áo.” Chi sung sướng chiều lòng các em và lợi dụng những lúc gần gũi này để chuyện trò, tìm hiểu từng em.

Một điều Chi nhận thấy rõ là các trẻ em ở đây mạnh dạn và thân mật với các cô giáo. Các em nói năng tự nhiên và tự lập trong cách suy nghĩ. Trong giờ tập làm toán, một hôm cô Jennifer hỏi các em: “Nếu cô cho em hai con thỏ; rồi cô Chi lại cho em hai con thỏ nữa thì em có tất cả mấy con thỏ?” Các em xòe bàn tay ra đếm trên mấy ngón tay rồi dơ 4 ngón tay lên để trả lời. Riêng có em Clara xòe cả bàn tay 5 ngón lên trả lời. Cô Jennifer hỏi Clara: “Em có thể cho cô biết làm sao em có được 5 con thỏ không?” Clara nói: “Cô nói cô cho em 2 con thỏ; rồi cô Chi lại cho em 2 con thỏ nữa, thế là 4 con; với lại ở nhà em có một con rồi, thế là em có tất cả 5 con thỏ.” Cô Jennifer đành chịu thua, cười và ôn tồn nói: “Em nói như thế là đúng.”

Chi cũng nhận ra ngay là hai em người

Á Đông tên Kimberly và Katy và một em da đen tên Alisha đều là con nuôi vì ngày nào cũng có phụ huynh người da trắng đến đón. Các em rõ ràng là được bố mẹ nuôi cưng chiều. Quần áo ngày nào cũng thay đổi, hộp thời trang và sạch sẽ, thơm mát, riêm rúa. Hai em Kimberly và Katy cũng được bố mẹ đón sớm hơn để còn kịp đi học piano ngày Thứ Hai, học vũ ballet ngày Thứ Ba, học ice skating ngày Thứ Năm. Chi thậm nghĩ những đứa trẻ này thật là may mắn. Nếu như các em này còn sống với cha mẹ ruột nơi quê hương bản xứ thì chắc chắn còn sống trong cảnh nghèo nàn, đói rách, bệnh tật và thất học. Những cha mẹ nào đã phải cho con đi chắc cũng đau lòng, xót ruột khi phải chia ly với con; nhưng nếu họ biết giờ này con họ đang sống sung sướng với cha mẹ nuôi thì chắc họ cũng được an ủi đôi phần. Họ sẽ biết rằng việc họ quyết định cho đứa con đi khi họ không thể nuôi nó là một quyết định khôn ngoan và đầy tình thương.

Chi cũng chú ý đến một em trai tóc vàng óng ánh tên là John Kriege. Có một cái gì từ con người John như thu hút lấy Chi. Một hôm, Chi thấy John ngồi thừ mặt ra, không chuyện trò với ai. Chi tiến lại, định hỏi xem John có cần Chi giúp gì không; nhưng John xua tay nói: “Đừng lại gần em! Đừng lại gần em!” Chi không biết làm sao. Cô giáo Jennifer bước lại gần Chi và ghé tai nói thầm: “Chắc là em đó ỉa đùn hay đá dằm và không muốn ai biết đấy!” Chi thông thả đến gần em đó và dịu dàng nói: “Em lỡ làm ướt quần

phải không? Không sao đâu. Để cô giúp em thay quần áo khác.” Lúc bấy giờ John mới chịu đi theo Chi ra phòng tắm. Khi thay quần cho John, Chi nhận thấy một vết đỏ thẫm bằng đầu ngón tay cái ở trên mông phải John. Chi chăm chú nhìn kỹ. Vết đỏ như đã ăn sâu vào da John. Chi băn khoăn, nghĩ ngợi. Chi lấy ngón tay ấn nhẹ vào vết đỏ, nhưng John không tỏ ra đau đớn gì. Chi đưa John trở lại lớp rồi gọi điện thoại cho bà Kriege nói rõ về vết đỏ mà Chi vừa thấy trên mông John. Bà Kriege cười và nói: “Cháu đã có vết đỏ đó trên mông từ ngày cháu ra đời.” Từ hôm đó trở đi, Chi càng để ý đặc biệt đến John hơn.

Bố John là ông Gary Kriege, người da trắng, cao lớn, vạm vỡ, cũng có tóc vàng óng ánh như John, thường tự nguyện đến trường buổi chiều ngày Thứ Năm để giúp kiểm điểm, chỉnh trang các máy computers. Mẹ em cũng là người da trắng, mảnh khảnh, thon thả. Cả hai người cùng rất dịu dàng, lịch thiệp.

Là phụ giáo, Chi có nhiệm vụ giúp riêng từng em một khi cần. Nhưng lần nào đến chỗ John, Chi cũng đứng lại lâu hơn. Ở trong lớp học Chi phải giữ ý tứ, không được ôm ấp học trò nào; nhưng Chi ước ao làm sao Chi có thể ôm John vào lòng âu yếm, như Chi ôm bé Văn ở nhà, để lấy hơi nóng của mình truyền cho John và được cảm thấy hơi nóng từ thân thể John thấm vào cơ thể của mình. John hình như cũng cảm thấy sự âu yếm của cô giáo và tỏ ra ân cần, gần gũi với Chi hơn

bất cứ học sinh nào khác. Sáng đến là John chạy lại ôm chầm lấy Chi, cười khanh khách. Khi ra về John cũng hai ba lần từ biệt Chi rồi mới bước ra khỏi lớp.

Một buổi sáng John đem đến đưa cho Chi một cái kẹo sô-cô-la, rồi mỉm cười nói: “Mẹ em cho em kẹo này để ăn sau bữa trưa; nhưng em muốn cho cô.” Chi lắc đầu: “Kẹo này mẹ em cho em để ăn trưa. Em phải giữ để ăn sau bữa trưa. Em không được cho đi. Cô cảm ơn em; nhưng cô không ăn kẹo được vì cô sợ mập.” John tỏ ra hơi buồn. Một hôm khác khi được mẹ đưa đến lớp học, John mang theo một con gấu nhồi bông đến đưa cho Chi và nói: “Đây là con gấu mà em thích nhất; nhưng em muốn cho cô. Em đã hỏi mẹ em và mẹ em nói được.” Bà mẹ John mỉm cười ghé tai Chi nói nhỏ: “Cô cứ nhận cho cháu vui lòng. Nó mến cô lắm, cứ luôn miệng nhắc đến cô Chi” Chi cũng ghé tai bà mẹ nói nhỏ: “Tôi cứ giữ con gấu ở đây và sẽ bỏ vào một túi plastic. Chiều nay bà lại đón cháu, nhớ mang về cho cháu.”

Những ngày đi dạy mẫu giáo bây giờ là những ngày thần tiên đối với Chi. Khoa cũng thấy rõ vẻ sung sướng, yêu đời của vợ. Một buổi sáng trước khi đi làm, Khoa nói với Chi: “Anh thấy rõ là em yêu nghề dạy học hơn bất cứ việc gì khác.” Chi đồng ý ngay: “Anh nói đúng. Em được trở lại với nghề cũ thế này là may mắn lắm. Ở trường ai cũng quý mến em. Mình thật là có phúc lắm anh ơi!”

Một buổi sáng Thứ Sáu cách đó ít lâu

sau, cả hai vợ chồng ông Gary Kriege cùng đưa con đến lớp. Bà Kriege nói với cô Jennifer và Chi: “Cuối tuần này chúng tôi sẽ dọn đến căn nhà mới xây xong của chúng tôi cách đây 20 miles. Chúng tôi sẽ phải cho cháu John chuyển đến một lớp mẫu giáo gần nhà mới. Hôm nay là buổi học cuối cùng của cháu ở đây. Chúng tôi đến từ biệt hai cô và cảm ơn hai cô rất nhiều về tất cả những điều tốt đẹp hai cô đã làm cho cháu.”

Chi cảm thấy như có tiếng sét đánh ngang tai, đứng lặng người đi, không nói năng được một câu. Cả bầu trời như tối rầm rẫn lại. Có đến năm bảy phút sau Chi mới lấy lại được bình tĩnh và vội nói: “Tôi mến em John lắm. Em thật dễ thương. Nếu ông bà cho phép thì thỉnh thoảng tôi sẽ rẽ qua thăm em.” Ông Kriege cười vui vẻ: “Nếu thế thì quý lắm. Xin cô cứ tự nhiên.”

Khi John vẫy tay chào Chi để ra về ngày hôm đó, nó vẫn vui tươi như không có gì khác lạ hơn mọi khi. Chi cố mỉm cười nhìn theo nó.

Chi đến trường ngày Thứ Hai tuần sau, uể oải, mệt nhọc như người thiếu ngủ. Giờ khắc trôi qua nặng nề. Chi vẫn đi quanh lớp đến từng em để quan sát, chuyện trò, chỉ bảo, giúp đỡ; nhưng mỗi lần đến chỗ ngòai cũ của John là Chi bước vội đi. Ngày Thứ Ba cũng trôi qua nặng nề, chậm chạp. Chi không ngờ Chi lại nhớ John đến thế. Hay là chiều nay về Chi sẽ gọi điện thoại thăm hỏi nó.Ồ, không được; như vậy có vẻ vội vã quá.

Có lẽ phải đợi đến cuối tuần thì hợp lý hơn. Ngày Thứ Tư cô Jennifer vắng mặt, Chi phải đảm nhiệm tất cả mọi việc trong lớp, đọc truyện cho từng nhóm, sẵn sóc, giảng giải cho từng em. Em này ho và nóng đầu phải gọi điện thoại cho phụ huynh đến đón về sớm; em kia ỉa đùn phải thay quần áo cho em. Chi bận túi bụi và quên đi sự vắng mặt của John cho đến giờ tan học. Không còn tiếng chào từ biệt “bye bye Cô Chi”, không còn cái vẫy tay mềm mại duyên tiếc của John. Thế là những ngày thần tiên đã tàn tạ

Ngày Thứ Năm Chi mệt mỏi đến trường. Vừa bước vào hành lang đi ngang qua văn phòng chính, Chi nghe rõ ràng có tiếng gọi của John: “Cô Chi! Cô Chi!” Quay đầu lại, Chi thấy vợ chồng ông Gary Kriege đang dắt tay John đi vào văn phòng. Chi mừng quýnh, chưa kịp hỏi lý do, thì bà Kriege đã nhanh nhẹn giải thích: “Cháu sang trường mới, lạ thầy, lạ bạn, cháu chẳng chịu học hành gì; cả ngày chỉ ngồi một mình buồn thiu. Chúng tôi tưởng một hai hôm rồi cháu sẽ quen đi. Nhưng đến hôm qua thì cháu lại càng buồn hơn, bỏ cả ăn, nằm ngủ li bì. Cho nên chúng tôi xin cho cháu trở lại học ở đây với cô Jennifer và cô . Chúng tôi sẽ phải lái xe đưa cháu đi học xa hơn một chút thôi.”

Bao nhiêu buồn phiền bỗng tan biến hết, Chi lại thấy khung cảnh trường rạng rỡ, tươi vui,

lớp học đầy hứng thú.

Ông hiệu trưởng nghe tin một học sinh gia đình đã dọn nhà đi xa mà còn xin trở lại học thì mừng lắm. Đối với ông đây là bằng chứng hiển nhiên rằng những giáo viên trong trường này đã tận tâm và khéo léo trong việc giáo dục trẻ em. Ông loan tin đó cho tờ báo *Gazette* ở địa phương. Một tuần sau, hình hai cô giáo Jennifer và Chi tươi cười đứng chung với gia đình John đã được in trên trang nhất tờ *Gazette* dưới tiêu đề “Những Điểm Sơn Trong Địa Phương.” Bài báo kể lại chuyện John nhớ trường và nhớ cô giáo ra sao với kết luận là trường tiểu học Eastern Elementary, dưới sự điều khiển của ông Hiệu Trưởng Michael Dix, đã rất thành công trong việc giáo dục trẻ em. Phóng viên tờ báo cũng nhận xét rằng em John đã mến cô giáo Chi đến độ em đã bắt chước cả dáng đi và nụ cười của cô giáo. Bài báo cũng nhấn mạnh đến kinh nghiệm dạy học và sự tận tâm của hai cô giáo, nhất là Chi., một giáo viên từ Việt

Nam mới tới đây. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, số đơn xin nhập học vào lớp mẫu giáo ở trường Eastern Elementary đã tăng lên bội phần. Ông hiệu trưởng phải dự trù mở thêm hai lớp nữa.



(Còn tiếp một kỳ nữa)
Phạm Hữu Bính

MÙA XUÂN VĨNH-VIỄN

PHƯƠNG-DUY TDC

1-

Nốt nhạc cuối cùng vừa chấm dứt. Hùng đứng lên, rời đàn dương-cầm để cảm tạ thính-giả đã lắng nghe nhạc-phẩm “Giòng sông xanh” bất-hủ của nhạc-sĩ người Áo Johann Strauss. Đó là bản nhạc kết thúc chương-trình trình-tấu ngày hôm nay.

Từ ngày Hùng vào nội-trú tại viện an-dưỡng của thành-phố, cứ mỗi cuối tuần, Hùng giúp vui cho các cụ lão-niên cùng các nhân-viên phục-vụ tại đây bằng âm-nhạc.

Nhìn thính-giả đang vỗ tay nồng-nhiệt, Hùng mỉm cười vì đa số là các cụ già trên sáu, bảy mươi tuổi. Ba mươi cụ ông, cụ bà người Mỹ trắng, bốn lão-nhân người Hoa, mười ông, bà già người Mỹ La-Tinh và một bà cụ người Việt. Cùng thương-thức còn có Ban Giám-độc, các bác-sĩ, nữ y-tá, nhân-viên và đôi lúc lại có thêm các thân-nhân của các cụ nữa.

Mặc dù là thính-giả cao niên, nhưng vị nào cũng thích nghe đàn, nên Hùng cũng vui và cảm-động khi nghe các cụ đề-nghị:

- Xin đàn thêm vài nhạc khúc nữa rồi hãy chấm dứt.

Hùng lại ngồi vào đàn dương-cầm và giới thiệu nhạc-khúc sẽ được chàng biểu-

diễn tiếp.

Từ trước đến nay, vì đa số thính-giả là người ngoại quốc (đôi với Hùng), nên chàng chỉ chọn những bản nhạc tây-phương nổi tiếng và phổ-thông như “Come back to Sorriento”, “The Blue Danube”, “Serenata”, “Ave Maria”, “La Paloma”, “Mexico”, “La vie en rose”... để trình-tấu. Hôm nay, chàng nhìn xuống các cụ người Việt và người Hoa rồi nói:

- Kính thưa quý Cụ, hôm nay xin quý Cụ vui lòng cho phép tôi giới-thiệu những nhạc-khúc Á-đông nổi tiếng, để quý Cụ thưởng-thức. Đó là bản “Rose de Chine”, nhạc Trung-Hoa và “Xuân và Tuổi trẻ” (Le Printemps et la jeunesse) của nhạc-sĩ La-Hối, Việt-Nam.

Những tràng pháo tay dài như không dứt của quý Cụ là một lời chấp thuận đề-nghị của Hùng một trăm phần trăm.

Hùng đứng lên cảm ơn và ngồi xuống đàn. Gian phòng hoàn toàn im lặng chờ tiếng đàn vang lên.

Từng âm-thanh thánh-thót thoát ra từ đàn dương-cầm như quyện theo tâm-hồn và hơi thở của Hùng. Hùng say sưa đưa những ngón tay lướt trên phím đàn và quên đi thực-tại. Những cánh hồng Trung-quốc khoe màu rực-rỡ, rồi rơi lá-tả theo làn gió nhẹ ban mai như nàng thiếu-nữ Trung-Hoa xuân-thì rồi cũng sẽ phai tàn nhan-sắc. Thính-giả như nín thở lắng nghe từng âm-thanh tỏa lan trong gian

phòng nhỏ hẹp của an-dưỡng-viện. Tiếp theo là những âm-thanh rộn-rã yêu đời của nhạc-khúc “Xuân và Tuổi Trẻ”. Khúc nhạc này đã làm cho các cụ cao niên tuy rất vui mà lại chảy nước mắt, nghĩ đến thân-phận hiện tại của các cụ khi tuổi-trẻ từ lâu đã từ-giã các cụ.

2-

Hùng vào nội-trú tại an-dưỡng-viện này khi chàng mất năng-lực làm việc. Từ cố vô thân. Vợ chàng qua đời khi mới đến định-cư tại Mỹ chừng vài năm. Các con chàng đã lớn, nên lần lượt dọn ra ở những nơi khác. Còn lại chàng, lúc còn đi làm thì cũng quên cảnh đơn chiếc. Nay không phải đi làm, được hưởng tiền trợ cấp bệnh tật. Hùng trả ngôi nhà đã thuê và xin vào an-dưỡng-viện dành cho những người mất năng-lực và cao niên. Tại đây, chàng được săn-sóc và sống yên tĩnh những ngày còn lại ở tuổi lục-tuần.

Ngày đầu tiên, một nữ nhân viên đã hướng-dẫn chàng đi thăm các phòng và giải-thích cho chàng nếp sống hàng ngày. Đến trước cửa một phòng ở cuối dãy, to rộng hơn các phòng khác, cô nữ nhân-viên mở khóa. Hùng đi vào. Chàng rất ngạc-nhiên vì đây là một phòng hòa nhạc. Một chiếc đàn dương-cầm lớn “piano à queue” đặt chính giữa trên bục sân-khấu rộng, bên cạnh là bộ trống, đàn ghi-ta, đàn vi-ô-lông, những giá để bản nhạc và một số dụng-cụ âm-nhạc khác.

Cô nữ nhân viên giải thích khi thấy Hùng như “sững-sờ ngạc-nhiên” trước

những nhạc-cụ bày trong phòng này. Nàng nói:

- Trước đây, khi Cụ John còn sống, cụ thường đến đây trình tấu nhạc giúp vui cho tất cả mọi người trú tại an-dưỡng-viện này. Ngày xưa, khi còn trẻ, cụ là nhạc-sĩ tốt-nghiệp âm-nhạc-viện. Cụ sử-dụng thành-thạo một số nhạc-cụ như dương-cầm, vĩ-cầm, tây-ban-cầm... Khi cụ về hưu, không còn thân-nhân, nên cụ hiến tặng chiếc đàn dương-cầm, vĩ-cầm cùng một vài nhạc-cụ khác khi vào nội-trú tại đây. Thế rồi từ ngày ấy, Ban giám-đốc cho sửa sang, nối rộng căn phòng này thành phòng hòa-nhạc và các cụ cao-niên hàng tuần được đến đây thưởng-thức âm-nhạc. Hai năm vừa qua, cụ John qua đời. Từ đấy, căn phòng này khóa cửa để chờ một nhạc-sĩ nào khác trong tương-lai...

Nghe xong lời giải-thích, Hùng xin phép cô nhân-viên trẻ, đến ngồi vào đàn dương-cầm.

Những chuỗi âm-thanh diu-dặt và thánh-thót vang lên. Hùng say sưa đàn một nhạc-khúc cổ-điển. Chàng quên hết hiện tại, chỉ còn đắm chìm những âm-thanh vang dội trong căn phòng.

Chấm dứt nhạc-khúc, chàng tỉnh người, khi nghe những tràng vỗ tay vang lên. Thì ra trong lúc Hùng đang say sưa đàn, cô nữ nhân-viên đã lảng-lặng đi thông-báo cho Ban giám-đốc và quý cụ cao-niên đến phòng hòa-nhạc ngay để nghe một “John Junior” đàn. Vì cô không phát-âm được tên của Hùng nên cô nghĩ

ngay đến cụ John và một “nickname” mới cho Hùng là “John Jr.” để dễ gọi và cũng muốn nói lên tài-nghệ trình-tấu của Hùng cũng không kém gì cụ John Sr. ngày xưa bao nhiêu.

Các cụ cũng như Ban giám-đốc tràn ngập nỗi vui, vì từ nay họ lại tiếp-tục được thưởng-thức âm-nhạc mỗi tuần sau khi cụ John từ-giã cây đàn, đi qua bên kia thế-giới.

3-

Cha mẹ Hùng rất yêu âm-nhạc nên đã cho Hùng thụ-huấn với một giáo-sư dạy dương-cầm khi Hùng mới lên sáu. Hùng học và đàn rất tiến bộ. Sau đó, Hùng tiếp-tục vào học tại trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon. Tốt-nghiệp xong, Hùng đi dạy nhạc tại các trường trung-học. Rồi chàng bị động-viên học khóa sĩ-quan trừ bị. Khi tại ngũ, chàng thuyên-chuyên từ chiến-trường này sang chiến-trường khác nên không còn dịp đặt tay vào đàn dương-cầm nữa. Sau 30 tháng Tư năm 1975, chàng đi tù cải-tạo, căn nhà chàng ở trong Cư-xá Sĩ-quan Chí-Hòa bị Việt-Cộng tịch-thu, kể cả cây đàn dương-cầm. Bọn chúng bắt buộc gia-đình chàng phải dọn ra khỏi cư-xá ngay ngày “tiếp-thu” và chỉ được mang theo một ít đồ dùng cần thiết.

Đến khi qua định-cư tại Mỹ, chàng lo đi làm đầu tắt mặt tối, nên không nghĩ chuyện mua cây đàn mới. Những lúc nhớ đàn, “thèm” đàn, Hùng thường đến các nhà bạn bè có đàn hoặc vào các tiệm bán đàn để “đàn ké” một vài nhạc-khúc ngắn.

Bây giờ vào nhà an-duỡng, Hùng thấy cây đàn nằm đấy mà không có ai sử-dụng, giống như “lân thấy pháo” vậy.

Kể từ đó, hàng ngày Hùng có dịp vào tập lại những nhạc-khúc cũ để mỗi cuối tuần trình-tấu cho mọi người sống trong nhà an-duỡng thưởng-thức.

Trong dịp lễ Tạ-Ơn Thanksgiving Day, có rất nhiều thân nhân của các Cụ nội-trú đến viếng thăm các cụ. Một thiếu-nữ tóc vàng, mắt xanh đã sững-sờ khi nghe tiếng đàn của Hùng, nàng không ngờ “nơi an-duỡng cuối cuộc đời của các cụ lão-niên” lại có một tay “pianist” có những ngón đàn tuyệt-diệu như vậy. Nàng tiến đến chỗ Hùng ngồi và nói với Hùng:

- Tôi xin phép ông đề tự giới-thiệu tên tôi là Liz, cháu của Cụ Maria. Bà Cụ đang ngồi ở đây ghé đàng kia, chắc ông đã biết Cụ. Gia-đình chúng tôi ai cũng say mê âm-nhạc. Tôi được gia-đình cho đi học vĩ-cầm hơn tám năm qua. Nghe tiếng đàn tuyệt-diệu của ông, tự nhiên tôi bỗng nảy sinh ra ý muốn đóng góp tiếng đàn của tôi vào các lần trình-tấu kế tiếp, không rõ ông có vui lòng chấp-thuận không?

Nhìn thiếu nữ, Hùng vừa cười vừa trả lời:

- Thứ nhất, tôi xin cảm ơn Cô đã cho tôi một nhận xét về tiếng đàn của tôi. Thứ hai, từ lâu tôi vẫn mong đợi có nhiều tiếng đàn khác cùng với tôi đảm-nhiệm những buổi song-tấu, tam-tấu âm-nhạc để giúp các cụ cao-niên vui hơn, chứ tuần nào cũng chỉ nghe độc-tấu dương-cầm thì chán chết, phải không cô? Thứ ba, dù tôi

chưa nói, nhưng cô cũng đã hiểu. Tôi trân trọng mời cô...

Thiếu-nữ nghe Hùng nói xong, mắt chớp chớp cảm-động vì toại ý muốn. Nàng hỏi qua thân-thể của Hùng, rồi nàng đề nghị với chàng:

- Bắt đầu từ ngày hôm nay, khi nào rảnh-rang, tôi sẽ mang đàn đến đây để tập-dượt, chuẩn-bị cho buổi hòa-nhạc tuần kế tiếp.

Hùng rất vui khi nghe lời đề-nghị của thiếu-nữ, vì ban giám-đốc vừa yêu cầu chàng chuẩn-bị đêm hòa-nhạc “đặc-biệt” chào mừng năm mới sắp đến.

4-

Martin Woong đọc đi đọc lại lá thư của bà nội chàng mà chàng mới nhận được sáng nay. Từ ngày bà vào nhà an-dưỡng, đây là lần đầu tiên, Martin nhận được thư của bà viết riêng cho đứa cháu nội duy nhất của bà:

“Cháu Woong thân mến,

Bà rất nhớ cháu, nhất là nhớ tiếng đàn Cello trầm trầm và sắc-sảo của cháu. Ngày xưa, khi bà còn ở nhà, cháu đàn ở phòng bên cạnh, bà lúc nào cũng lắng nghe rất thích thú. Bà muốn cháu cuối tuần này, mang chiếc đàn đó vào chỗ bà ở, đàn cho bà nghe vài bài, được không? Nhân thế, bà cũng tin cho cháu biết, mỗi tuần trong này bà thường được thưởng-thức nhạc hòa-tấu piano với violin đấy. Nếu thêm tiếng đàn cello của cháu nữa thì các cụ ở đây chắc sung-sướng lắm! Hơn nữa, bà cũng sẽ hãnh-diện ngón đàn của cháu. Mong gặp cháu.

EM CÓ BIẾT

Em có biết

Một sáng Xuân hồng người đưa thư đi qua
Ném vào anh một tin vui khùng khiếp
Mở trái tim ra nhận lộc tươi

Em có biết

Một trưa Hạ đỏ ôm trong lòng
Nhâm nhi, từng chút, anh nhâm nhi
Từng chút, anh nhâm nhi trái hạnh phúc

Em có biết

Một chiều Thu biếc anh tham lam
Cầm lòng không đậu, ăn hết chỗ còn lại
Hóa khùng điên, anh hóa khùng điên,
rồi chết

Em có biết

Một tối Đông xám người ta chôn anh
Huyệt, là nơi trái tim em ngụ tọa
Và nhờ thế, anh phục sinh sống lại

Lê Mai Lĩnh

*Bà của cháu,
Sue.”*

Đọc xong thư, Martin liền gọi điện thoại vào cho bà nội của chàng ngay:

- Hello! Thưa bà nội, Bà khỏe không?

Cháu đã nhận được thư của Bà. Cuối tuần này, cháu sẽ vào thăm Bà với cây đàn cello. Xin Bà cẩn trọng. Những điều gì mà cháu có thể làm cho Bà vui thì cháu hứa sẽ làm ngay. Cháu kính thăm Bà. Chào Bà nội.

Cuối tuần lễ đó, Hùng và Liz cũng như Ban giám-đốc, các Cụ cao-niên lại tiếp nhận thêm tiếng đàn cello tuyệt vời của Martin. Martin cũng tình-nguyện sẽ cộng-tác với Hùng và Liz trong chương trình hòa-tấu chào mừng “Mùa Xuân Vĩnh-viễn của Thiên-niên-kỷ mới”.

Thế rồi những ngày tháng kế tiếp trôi qua, Martin và Liz hàng ngày, sau khi rảnh-rỗi mang đàn đến tập dượt chung với Hùng những nhạc-khúc ba người muốn hòa-tấu với nhau.

5-

New-Year’s Day của Thiên-niên-kỷ mới, các cụ và thân nhân đến ngồi chờ tại phòng hòa-nhạc rất sớm, vừa trò chuyện chào mừng Năm Mới, vừa để thưởng-thức một buổi hòa nhạc đặc-biệt.

Đón ngày đầu năm mới, các cụ bà cũng làm dáng, thoa chút phấn hồng nơi má nhẵn-nheo và tô môi son đỏ như muốn kéo lại chút gì của những ngày thanh-xuân cũ. Các cụ ông cũng không kém, diện những bộ veste với cà-vạt sặc-sỡ, cài thêm chiếc huy-hiệu nhỏ cờ Mỹ hoặc những huy-chương, huy-hiệu cựu-chiến-binh.

Người ngồi trên xe lăn, người nằm trên băng-ca, người ngồi trên ghế dựa trong khi nghe nhạc, thật là một cảnh-tượng không bao giờ thấy ở ngoài đời.

Sáng hôm ấy, Hùng mặc bộ áo veste đen, thất nơ như một nghệ-sĩ “nhà nghề” khi trình-diễn.

Liz trong bộ áo đầm xòe màu hồng

nhạt, tóc cột đuôi ngựa và cài một bông hồng trên áo.

Martin mặc bộ veste trắng, thất nơ màu đỏ - màu của “phúc-lộc”- theo người Trung-Hoa thường tin-tưởng như vậy.

Sau khi Ban giám-đốc lên giới thiệu nội-dung buổi hòa nhạc và các nghệ-sĩ sẽ trình-tấu, ba người bắt đầu tam-tấu bản “The Four Seasons” bất-hủ của Vivaldi : “La Primavera” (Spring), “L’Estate” (Summer), “L’Autunno” (Autumn), “L’Inverno” (Winter).

Tiếng đàn violin của Liz cao vút, tiếng đàn cello của Martin trầm trầm hòa với tiếng đàn piano sắc-sảo của Hùng vang dội trong phòng hòa-nhạc như vang dội trong tim của người thưởng-thức.

Những tràng pháo tay không dứt để cảm ơn các nhạc-sĩ biểu-diễn.

Tiếp theo, Hùng đệm dương-cầm cho Liz độc tấu vĩ-cầm bản nhạc “Frühlingsstimmen” (Voices of Spring) của Johann Strauss. “Coup d’archet” của Liz thật tuyệt-diệu. Âm-thanh dồn-dập lúc trầm trầm, khi cao vút như giọng thì-thầm của mùa Xuân mà tác-giả Strauss đã gửi-gắm vào đó!

Những tràng pháo tay dài... dài...

Hùng độc tấu dương-cầm bản “Le Printemps et La Jeunesse” của La-Hoy và bản nhạc “Ly Rượu Mừng” của Phạm-đình-Chương.

Liz và Martin song tấu violin và cello một sonata của Chopin.

- Thật là tuyệt diệu!

Thính-giả nồng nhiệt la to với những

tràng pháo tay như không dứt để yêu cầu song-tấu lần nữa.

Martin nhìn sang Liz như để hỏi ý kiến. Cùng lúc Liz nhìn sang Martin và gật đầu.

Tiếp theo chương-trình, Martin đưa thính-giả vào “mê-hôn-trận” với phần độc tấu cello một concerto của Brahms.

Tiếng đàn của chàng cũng làm cho người nghe nhớ tới tiếng đàn của danh-cầm Jacqueline du Pré.

Sau cùng, Hùng, Liz và Martin chấm dứt chương-trình hòa-nhạc bằng nhạc-khúc “One Day When We Were Young” bất-hủ của nhạc-sĩ thiên-tài người Áo Johann Strauss.

Những tràng pháo tay tiếp tục vang lên cùng với những nụ cười tràn đầy hy-vọng một “mùa xuân vĩnh-viễn” của tất cả thính-giả.

Những bó hoa hồng rực-rỡ của thính-giả và của Ban Giám-độc trao cho Liz, trao cho Hùng và cho Martin.

Liz cảm-động nhìn sang Hùng như thâm cảm-phục “ngón tay vàng” của người đàn ông đã bước vào tuổi gần cuối Thu, nhưng tâm-hồn vẫn mãi mãi yêu đời, mê âm-nhạc như đang còn ở tuổi “Mùa Xuân Bất Tận”.

Martin nhìn sang Liz, Liz nhìn lại Martin với cái nhìn âu-yếm vì sự thành công của nàng hôm nay có sự cộng-tác

chân-thành và nghệ-thuật của Martin. Tiếng đàn violin song-tấu với tiếng đàn cello như quyện nhau thành một.

6-

Những ngày tháng của cuộc đời lần lượt trôi qua rất nhanh: Xuân, Hạ, Thu, Đông theo nhịp xoay tròn của quả đất, giống như nhạc-phẩm “The Four Seasons” của Vivaldi đã diễn tả.

Đều đặn mỗi cuối tuần, Liz lại có dịp hòa đàn với Martin và Hùng. Hùng ngẫm-nghĩ nếu tiếng đàn violin của Liz không có tiếng đàn cello của Martin “bám theo” chắc sẽ “cô-đơn” lắm! Hùng ước mong hai bạn trẻ của chàng sẽ cùng đàn với nhau mãi mãi trong suốt cuộc đời.

Rồi lời thắm ước của Hùng đã thành sự thật sau thời-gian dài ba người cùng hòa nhạc với nhau.

Khi nhịp đập của quả tim yêu âm-nhạc của Liz đã cộng-hưởng sự rung động với nhịp đập của quả tim yêu âm-nhạc của Martin.

Một mùa xuân bất tận của hai tâm hồn đồng điệu đã thành hình khi Liz và Martin quỳ trước bàn thờ lắng nghe nhạc khúc “Oui devant Dieu” bất-hủ cất cao trong thánh-đường, trước đông đủ người thân, Hùng và bạn bè.





Sáo Trúc: Tranh Vi Vi

Chốn Êm Đềm

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Từ ngày nuôi mấy con vịt kẻ ra thì cũng bất tiện, vì chúng nó không phải sạch sẽ gì cho lắm, nhất là khi ở trên nước Mỹ, trong một xóm toàn nhà cửa mới xây san sát nhau...

Khi mấy con vịt không ai mời mà đến ở trong nhà, một cách tự nhiên trên trời rơi xuống, thì bà Bốn thấy mình có trách nhiệm với chúng trong vui buồn lẫn lộn, chẳng ra đâu vào đâu! Đúng là của trời cho! Dù chúng chẳng bao giờ dám “gây hấn” với bà, chỉ dương những cặp mắt tròn mà nhìn nên bà phải săn sóc cho ăn, phải quét tước đàng sau cho vệ sinh sạch sẽ.

Gia đình này chỉ có thằng Út của bà là thích, chiều nào đi học về cũng không quên chạy ra sau thăm, lấy nước đổ vào “vũng lầy của chúng ta” cho vịt tắm, chơi với vịt cả tiếng đồng hồ, chuyện không hề xảy ra trước đó, bởi cu cậu rất làm biếng!

Bốn con vịt bé tí ti teo mới đó mà bây giờ đã là vịt chọi chọi, mau ăn chóng lớn thật, bộ lông chúng trắng phau, tướng đi lạch bạch gọi nhau ầm ĩ. Không biết khi chúng lớn hơn nữa, thì tiếng kêu sẽ lớn cỡ nào? Mấy nhà bên cạnh nghe họ có kêu cảnh sát đến không?

Vì mấy con vịt đó mà sau này, bà Bốn có thềm hột vịt lộn mấy đi chẳng nữa, cũng không bao giờ dám mua. Bà sợ vì cái tính hay quên của bà sẽ cho ra đời vài con vịt

khác, thì bà chỉ có chết tới bị thương!

Nuôi vịt thì cứ nuôi, nhưng bà Bốn phải nghĩ cách để tổng khứ chúng đi là vừa.

- Bà lo xa quá. còn lâu mà.

Ông Bốn nói khi thấy bà cứ loay hoay lo về mấy con vịt! Đã nói tính bà lo xa, xa lắm, có khi “bắn cà nông hồng tới”!

- Coi vậy chứ chúng lớn bộn. ông không nhớ bên Việt Nam người ta nuôi vịt có ba tháng là bán được rồi sao!

- Thì bà cho chúng “diet” lại.

- Diet thế nào? Vịt chứ bộ người sao cần làm đẹp?

- Làm đẹp cái gì! Thay vì cho chúng nó ăn hai lần trong ngày, thì bà bớt lại một lần, có phải vừa đỡ tốn cơm, tốn sức, con vịt thì chậm lớn. là bà vui rồi.

- Sao tôi lại phải vui? Chúng không được ăn thì gào lên, hàng xóm nghe được lại phiền toái hơn!

- Phiền cái gì?

- Phiền lỗi tai họ chứ gì nữa. rồi có ai đó bốc điện thoại lên than trách, rồi cảnh sát tới, rồi sao đó là bao nhiêu thứ phải lo.

- Rồi cái gì mà dữ vậy! Có mấy con vịt mà làm như khủng bố không bằng! Cảnh sát với cảnh sung!

- Ờ... tới lúc đó thì biết!

Ông Bốn dứt khoát:

- Thôi dẹp ba con vịt đi!

- Bốn con.

- Ba bốn con gì cũng được. Khi nào nó lớn, bà không cần lo lắng gì hết, cứ ới tôi một tiếng là tiết canh vịt, gói vịt, cháo vịt có ngay, tha hồ ăn!

Bà Bốn lườm:

- Nói như ông dễ ợt nhưng ông quên thằng Út rồi à?

- Thằng Út làm sao?

- Nó sẽ cho là mình sát nhân, ăn thịt ngay cả những “người” trong nhà!

Ông Bốn gằn giọng:

- Hay nhỉ, mình có ăn người bao giờ, vịt là con vật cơ mà!

- Nhưng nó thương lũ vịt lắm, làm sao cắt cổ ăn được!

Câu nói của bà làm cho ông suy nghĩ.

Ừ phải, thằng Út nó vốn thích súc vật. Từ ngày có mấy con vịt trong nhà, nó bỏ công đi theo chơi đùa với chúng khá nhiều. Lúc trước, nó còn cho mấy con vịt vào thùng ngũ chung trong phòng. Bây giờ thành vịt choai choai, mẹ bắt phải đưa ra sân sau kéo hôi nhà, cu cậu có vẻ xót xa lắm. Nói chi là bắt vịt của nó làm thịt! Không đời nào!

Có điều khá bất tiện là ông không biết cắt cổ vịt! Từ nhỏ tới giờ ông là công tử bột, có nhúng tay vào bếp đâu mà biết! Khi lấy vợ, bà Bốn lại là người giỏi giang, nấu nướng nổi tiếng trong gia đình ra đến ngoài họ tộc, thì ông lại càng không biết cái bếp là gì!

Nói dễ mà quên cũng mau. Ông Bốn đâu có thèm suy nghĩ chuyện mấy con vịt chi cho mất công, muốn gì cứ hò mấy ông bạn là có người ra tay đồ tể ngay. Thì giờ rảnh ông còn coi đấu banh, tin tức hay ngồi trước đàn máy tìm tòi, mặc cho bà muốn làm gì thì làm.

Lũ vịt tuy choai choai, nhưng cái mỏ đục đầu cũng rĩa, thành ra đất cát phía sau bắt đầu gập ghềnh lồi lõm, dơ dáy!

Lúc này bà phải chặn ngang ngõ vào cửa

sau bằng một miếng ván, nếu không mấy con vịt đổ bộ vào sân thì còn gì là vườn tược, hoa lá của bà! Nhìn giang sơn bốn con vịt sống trong vòng đai bấy giờ thâm thương làm sao, không một cành cây ngọn cỏ nào còn sót với chúng. Chúng rĩa, cạp hết, trụi cả cây lẫn gốc!

Một buổi trưa cuối tuần ăn cơm xong, Ông Bốn ngồi coi thư Email ở trong máy, rồi đọc oang oang cho vợ nghe:

- Thịt vịt sáo măng, bà nghe chưa, lại đây coi cái hình ngon quá. mấy miếng thịt vịt lại còn rắc hành phi lên trên trông hấp dẫn quá. Món này dễ làm lại có gừng, ấm lòng chiến sĩ. Bà làm món này đi bà.

Thằng Út đang uống nước gằn đó, chen vào ngay:

- Ba má muốn ăn thì đi mua thịt ngoài tiệm về nấu nghe, không được đục vào vịt của con!

Bà Bốn hỏi lại:

- Vịt của con lúc nào?

- Con dành nó từ nhỏ thì nó là của con.

- Vịt của mẹ mua từ cái trứng nở ra mà!

- Nhưng không được giết nó, nó ở trong nhà mình.

- Trong nhà cái gì! Gà vịt là để ăn chứ không phải làm cảnh!

Ông Bốn gằm gừ, thằng Út cũng không vờ.

- Ba má không biết thương “người”!

Nói xong, nó mở cửa biển ra sau với lũ vịt. Ông Bốn nháy mắt nhìn vợ, ra dấu cho bà đứng nói thêm. Nó đã không thích nghe chuyện mấy con vịt đi vào lò sát sinh thì đừng có nhắc khi có nó ở đó!

Cái thằng cũng kỳ, vậy thôi mà buổi tối thằng Út nói nhưc đâu không chịu ra ăn cơm. Ông bà Bốn biết tông nó phản đối ngầm về việc mấy con vịt, nên cũng không bắt ép như

mọi lần.

Con nít bên này muốn tụi nó phục phải biết rõ tâm lý. Nhiều khi chỉ là một vấn đề nhỏ, nhưng nói ngược ý, là sanh ra bất mãn, rồi đứ đả nhỏ để bụng sau đó làm tâm bậy tâm bạ mục đích phản đối cha mẹ.

Vấn đề cắt cổ vịt thì bà Bốn không đời nào dám làm! Cả đời bà chỉ dám cầm dao cắt cổ gà có một lần. Lần đó do bị các bạn ép buộc vì cá cuộc, bà run rẩy đập chân lên hai cánh gà, nhắm mắt cứa vào cổ nó thật nhẹ, con gà bị đau, quẫy mạnh la quang quác. Thế là bà hết hồn hết vía vớt dao chạy trốn chết! Nghĩ lại bà còn rùng mình!

Thằng con bà cũng kỳ, thịt gà thịt vịt thì nó không chê, ăn chỉ chừa xương nhưng đó là gà vịt mua ở mấy tiệm BBQ. Còn mấy con vịt này thì không được đụng tới.

Khi kể cho bà bạn nghe về chuyện mấy con vịt, bà Vân nói:

- Đâu có gì lạ, vật gì nuôi thì đem lòng thương, nhất là tụi con nít, nó thương loài vật lắm. Bà nuôi vịt chứ nuôi heo nó cũng không cho giết thịt đâu!

- Thì chính tui cũng thương tụi nó nhưng khi nó lớn rồi đành phải tính cách nào thôi vì dơ quá không chịu nổi!

Bà Vân hỏi:

- Bà có nghe chuyện con bé Bi nhà bà Trà chưa?

- Chuyện gì?

- Thì má nó dẫn đi chợ trời, thấy bán gà con, mua cho nó hai con gà. Nuôi đâu vài tháng, thì gà trống lớn lên gáy ồn ào quá, má nó sợ bị hàng xóm thưa vì đã nghe họ phàn nàn, muốn làm thịt. Biết mẹ sắp giết hai con gà, ban đêm nó lên ấm mấy con gà đi trốn.

Cặp mắt bà Bốn mở to:

- Trời đất, rồi có tìm được không?

- Con nhỏ đi 2 ngày, gia đình bà Vân bỏ đi tìm khắp nơi không thấy, phải đưa ra cảnh sát. Sau đó mới tìm ra nó ở trong nhà kho của con bạn học cùng lớp, mà chính con bạn đó cũng không biết con bé Bi chui vào trong nhà kho của mình.

- Làm sao họ biết con bé trong đó?

- Thì nhờ có tiếng gà gáy mà má con bạn mới lấy làm lạ, ra sau nhà kho coi, vì bà đâu có nuôi gà! thì mới thấy con Bi nằm ở đó, đang đói là người!

- May phước quá, rồi họ xử sao với mấy con gà?

- Thì phải nói láo thôi! Ba má nó tổ chức cho nó đi chơi xa với ông cậu, ở nhà họ nói sẽ cho gà vào một trại gà gần đó, sẽ không bị thưa kiện.

- Con bé tin không?

- Sao không, khi nó về họ phải kiểm tẩm hình chụp trong một trại gà, có hai con gà của nó, thì làm sao con bé biết được. Nhưng nó cũng yên tâm, vì không sợ cảnh sát bắt khi gà gáy bậy!

- Rồi hình lấy ở đâu ra?

- Thì làm “photoshop”, ông bà chụp hai con gà, rồi ghép với hình của trại gà. Có hai con gà đứng phía trước, con bé mới yên tâm được.

Bà Bốn thấy tội nghiệp cho con bé!

- Họ làm thịt hai con gà hả?

- Chứ còn gì nữa. Cuối tuần đó họ rủ vài người có tui nữa, đến ăn gỏi gà, gà nướng. Mà công nhận hai con gà thật bự, thịt nó dai ngon hơn gà mình mua chợ nhiều!

- Vậy à.

Bà Bốn tư lự. mấy con vịt của mình chắc thịt cũng ngon lắm đây! Nhưng thằng Út nó cũng đủ lớn để hiểu được những lời nói thật hay dối của cha mẹ. Có dễ gạt nó đâu!

- Chắc tui đưa mấy con vịt ra thả ngoài hồ, phóng sinh cho tui nó đi quá!

- Uống lăm, vịt nuôi ngon hơn vịt công nghệ. làm tiết canh hết xẩy!

- Tui chỉ biết làm gỏi vịt, cháo vịt chứ không biết đánh tiết canh. Cũng chưa bao giờ ăn món đó, và lại ăn tiết chưa nấu có hại lắm!

- Hai gì, nếu bà giết thịt thì kêu tui tới đánh tiết canh giùm cho. Tui làm món này ngon nổi tiếng.

- Ừ, nhưng...

- Nhưng sao?

- Nhưng thằng Út nó không cho giết!

- Thì kiếm cách mà nói với nó!

- Tui chưa biết cách gì hết.

Bà Vân về lâu rồi mà bà Bốn còn suy nghĩ mãi. Một quá, tham mấy con vịt mà nhiều khi thằng Út bắt mẫn là không nên. Hay thả quách cho rồi, coi như mất năm chục đô cho khô!

Nghĩ đến vịt, bà ra phía sau xách cây chổi đi quét dọn. Vững lầy ngày càng lớn hơn vì mấy con vịt cứ xia cái mỏ vào mà cạp tìm giun! Chúng nó lông màu trắng mà cái bụng thì đen xì xì vì đất. Vậy mà thằng Út vẫn nhìn với ánh mắt triu mến lạ lùng!

Thôi không suy nghĩ nữa, dù sao thì mấy con vịt chưa đủ lớn để lo lắng về chuyện này!

o o o

Một cuối tuần, ông bà Bốn đến nhà người bạn để dự buổi tiệc hấp hôn 20 năm. Nhà ông bà Vịnh giàu nứt vách đổ tường, là người bạn trong nhóm thịnh thoàng có giao thiệp với nhau, và là người khá giả nhất. Nhà ở khu này không nhiều, xa xa mới thấy thấp thoáng một nóc gia, đất rộng mênh mông, giá trên vài triệu mỗi căn.

Tiệc được tổ chức ở vườn sau. Khu vườn

rộng mênh mông có hàng cây được cắt đều, tắm tấp ngay hàng thẳng lối.

Bà Bốn nhìn các dãy bàn dài được trải khăn trắng, chung bày những đĩa hồng vàng trang trí trên bàn, thật là thơ mộng. Một bàn đựng thức uống, một bàn thức ăn, còn một bàn thì toàn là những món bánh, trái cây kỳ hoa dị thảo: thật là hấp dẫn! Một bàn khác thì đựng chén đĩa, dao muỗng, ly tách, khăn tay.

Những người tiếp viên bản xứ mặc áo đầm trắng cột tạp-đề đen lịch lăm, tóc bới cao đang phục vụ khách mời chu đáo.

Xa xa, một hồ nước trong xanh có hàng dương liễu thướt tha trong gió, quá đẹp.

Là một thương gia chuyên bán về dịch vụ máy móc cho chính phủ, ông Vịnh là người có máu mặt ở vùng này. Ông quen biết khá đông người Mỹ lẫn Việt, nhưng ông thích giao hảo với nhóm của ông bà Bốn, vì họ đa số là những người có học thức trong xã hội, lại nói chuyện “hợp ro”, nhất là vợ ông thích bà Bốn.

Bà Bốn để chồng đứng với mấy người bạn, bà vào trong bếp tìm xem bà Vịnh đang làm gì.

Bà Vịnh là người đàn bà dù không đẹp như hoa khôi hoa hậu nhưng có nhiều bà ngưỡng mộ vì nhìn tướng bà rất sang trọng. Cho dù bà không ăn mặc diêm dúa nhưng những màu bà chọn để khoác lên người có nét nhu mì, dịu dàng và nhẹ nhàng.

Bà hay làm dáng bằng một xâu chuỗi đeo trên cổ, khi thì hạt xoàn, lúc hạt trai, hạt huyền. Đó là món trang sức duy nhất bà đeo trên người. Bà Vịnh nghe nói hồi xưa là một người tạo mẫu thời trang, cho nên bà rất tao nhã trong phong cách ăn mặc của mình.

Căn bếp của nhà này to gấp mấy lần nhà bà Bốn. Mặt bàn và các quầy làm bằng đá cẩm thạch màu hồng có pha xanh lá cây thật đẹp.

Nhìn những tủ đựng nồi niêu chén bát ắp trong tường, những tủ ly tách, lò nấu nướng... bà Bốn mê toi, cho dù bà đã đến đây vài ba lần.

Bà cứ rờ tay lên mặt bàn cẩm thạch mân mê rồi ao ước: phải chi bà có cái mặt bàn nhỏ màu như thế này thì thích biết mấy! Thứ này phải “order” đặc biệt chứ dễ gì mà mua được ngoài tiệm.

Chị người làm của nhà bà Vịnh bước vào cúi đầu chào bà. Bà Bốn hỏi:

- Bà chủ đâu rồi chị?
- Dạ, bà đang ở trong gara.
- Ủa, làm gì ngoài đó?
- Đang canh chó!
- Canh chó?

Thấy bà Bốn trở mắt nhìn mình không hiểu, chị giải thích:

- Con Kila đang đẻ, bà canh chó đẻ.
- Ô! vậy tôi coi được không?

Chị ta lắc đầu:

- Dạ không, chó nó không thích người lạ vào. Bây giờ tui ra canh cho bà chủ vào, bà đợi chút nhé.

Chị tắt cả đi ra ngay. Bà Bốn nhớ lại hai con chó của bà Vịnh rất dễ thương, chúng giống Ang Lê nhỏ xíu, mỗi con nặng khoảng bốn pounds. Tóc tai thì lù xù, đầu cột nơ xinh xắn.

Nhà người ta rộng rãi, nuôi súc vật có người chăm sóc cũng dễ. Con vật cưng lúc nào cũng thơm tho sạch sẽ, có tiền cũng sướng.

Bà Bốn thông thả nhìn ngắm căn bếp, cho bà ở đây cả ngày cũng không thấy chán, nội những thứ sang trọng chung quanh ngắm hoài cũng vẫn thấy thích. Đồ nhà giàu có khác.

Bà thấy ông bà Vịnh là người biết hưởng thụ cuộc sống một cách thoải mái. Có tiền, họ

chọn mua nhà ở khu thật tốt, biết ăn xài, thường xuyên đi du lịch khắp nơi trên thế giới và xã giao lịch lãm.

Họ có bạn trong mọi giới, không bị phân chia dè bieu, đồ kị ganh ghét về giai cấp giàu của ông, và được nhiều người ưa thích khi nhắc đến tên. Dễ hiểu bởi ông bà Vịnh thường xuyên đóng góp trong những buổi từ thiện.

Với một số tiền nhỏ bỏ ra, nhưng lúc nào cũng có mặt ông bà trong công việc cần là có. Dù không tốn kém bao nhiêu nhưng đó là thành quả của ông đạt được. Vì ông Vịnh đã biết tham gia góp mặt, chứ không lơ là với cộng đồng của mình, trong khi công việc của ông là với Mỹ, không cần sự yểm trợ của cộng đồng Việt Nam.

Thử hỏi sống như vậy ai mà không cảm tình.

Nhưng dù nhiều người thích, nhưng ông bà Vịnh cũng chỉ chọn vài người bạn làm thân.

Bà Vịnh thích bà Bốn bởi bà nấu ăn ngon, nhất là cái món “bún mắm” quê cha đất tổ của bà mà bà không biết nấu làm sao!

Nhiều lần chồng đi công việc ở ngoại quốc, bà ở nhà cải trang thành một bà bình dân, tìm ăn nhà hàng những món mình thích. Nhưng than ôi, ngon thì có ngon, nhưng bột ngọt nhiều quá, lần nào bà cũng bị đỏ mặt, khát nước và tim đập thình thịch, ngứa ngáy chân tay!

Chị bếp nhà bà cũng có tài làm được vài món bánh ngon, tiện để đãi khách, chứ bà thì không thích ăn ngọt!

Bà Vịnh quen bà Bốn khi gặp nhau ở một buổi tiệc gây quỹ giúp trẻ em nghèo. Vì thiếu chỗ nên vợ chồng bà Bốn được đưa vào bàn ông bà Vịnh, nơi những người tai mắt nhà giàu ngồi, vì nơi đó còn hai chỗ trống.

Thấy bà Bốn cứ lo tiếp thức ăn cho một bà

cụ, mẹ ông dân biểu gốc Việt cùng bàn, bà Vịnh thấy cảm tình với người đàn bà này, rồi họ nói chuyện, quen nhau.

Bà Vịnh thường gọi phen cho bà Bốn, rồi họ thân nhau không lâu sau đó. Nhưng bà Bốn lúc nào cũng giữ ý, vì sợ người ta cho mình “thấy sang bắt quàng làm họ”!

Nghĩ đến đó thì bà Vịnh ra tới. Bà tíu tíu khoe về con chó của bà, nó mới đẻ được một con, vẫn còn chờ nó đẻ tiếp. Hai bà đứng trong cửa sổ nhà bếp nhìn ra sau.

- Ở đây dễ thành thi họa sĩ, cái hồ nhà anh chị đẹp quá.

- Chồng em tính thả mấy con ngỗng hay vịt màu trắng cho chúng mò tôm bắt ốc đó chị. Ốc bươu tới mùa đẻ nhiều quá chùng chùng.

- Vậy hả?

Bà Bốn sực nhớ tới mấy con vịt của thằng Út ở nhà. Cơ hội hiếm có tới rồi. Bà mở lời:

- Nếu anh chị muốn nuôi vịt, tôi có bốn con đẹp lắm.

- Thật sao? Ở đâu chị có?

Câu hỏi làm bà Bốn tuôn hết ẩn tình của mình ra! Thế là chuyện bốn con vịt có chỗ giải quyết. Không ngờ vịt đến nhà thì hên thiệt! Đang không biết làm sao.

Thằng Út mà biết chuyện bốn con vịt được nhà giàu nuôi, chắc cũng an tâm, không sợ nó bị làm thịt!

- Chồng em ảnh cũng thích ngan ngỗng, vịt và công lắm chị. Ảnh đang cho rào một khu đất phía sau để thả hai con công vào đó.

- Phải, công mà xòe cái đuôi ra thì đẹp biết mấy.

Bà Vịnh im lặng một lúc, rồi hỏi:

- Con trai chị có thích nuôi chó không?

- Chó hả? chó gì?

- Em mới nghĩ ra là con chó nhà em nó sẽ đẻ khoảng ba bốn con gì đó. Nếu chị thích nuôi thì em tặng chị một con.

Bà Bốn đang suy nghĩ coi có nên nuôi không, thì bà Vịnh tiếp:

- Con chó này có giá lắm đó chị, em mua năm ngàn đô la một cặp đó, có giấy tờ AKC hẳn hoi. Cứ hai cha mẹ có giấy tờ, thì con chó sinh ra mới được cấp giấy. Khi bán có giá trị vì là thuần giống.

Nghe bà Vịnh nói mà bà Bốn vui quá. Bà vui không phải vì sắp có con chó đẹp đắt tiền mà vì có nơi có chốn tốt lành cho mấy con vịt của “thằng Út”!

Nhưng bà chưa trả lời dứt khoát, vì bà còn phải hỏi chồng và con, cho dù chính bà là người phải chăm sóc cho con vật hàng ngày.

Lên xe, bà Bốn hát ư ừ, khác hẳn mọi ngày là híp mắt buồn ngủ! Ông Bốn thấy lạ, hỏi:

- Có gì vui hả bà?

- Đúng thế.

- Thì nói cho chồng nghe với...

- Tôi mới kiếm được chỗ tốt để cho đi mấy con vịt, thằng Út chắc vui lắm.

- Tay này có biết đánh tiết canh không đấy?

Câu hỏi của ông làm bà tức ngang xương. Con người gì mà không biết mơ mộng lãng mạn chút nào. Bà im không trả lời câu nói của chồng, nhắm mắt lại, nghĩ về cái hồ nước thơ mộng sau nhà bà Vịnh, nơi mà mấy con vịt nhà bà sẽ nhón nhờ đi lại, lặn hụp trong đó.

Lòng bà lắng xuống, êm đềm bình yên.

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Hãy Khóc Lên, Quê Hương Yêu Dấu! Mi Último Adiós

Bài Thơ Tuyệt Mệnh Trước Giờ Hành Quyết: José Rizal

Sưu khảo và dịch của
Phạm Trọng Lê

Huling Paalam.

Thơ Phi-Luật-Tân thường viết bằng ba thứ tiếng. Sau khi bị người Tây-Ban-Nha đô hộ kể từ 1565, văn chương Phi-Luật-tân viết bằng tiếng Tagalog, tiếng mẹ đẻ của đa số người Phi, và cho đến thế kỷ 19, phần lớn các nhà văn hay giáo sĩ viết bằng tiếng Spanish. Kể từ 1898 đến cuối Đệ Nhị Thế Chiến, thời Phi-Luật-Tân còn là thuộc địa của Hoa-Kỳ, thì tiếng Anh được dùng để dạy tại các trường học. Trong những áng văn chương hùng hồn nhất phải kể bài thơ “Mi Último Adiós” của nhà văn và thi sĩ ái quốc nổi tiếng của xứ Phi-Luật-Tân là José Rizal. Bài thơ có nhan đề tiếng Anh là “My Last Farewell” do Rizal viết bằng tiếng Tây-Ban-Nha, đêm hôm trước ngày bị hành quyết hôm 12/30/1896, vì tội chống lại nhà cầm quyền Tây-Ban-Nha, lúc đó đang đô hộ xứ Phi-Luật-Tân. Thực ra bài thơ không có nhan đề nhưng bạn của Rizal là Mariano Ponce đặt cho là Mi Último Adiós; tiếng Tagalog là



Vài dòng tiểu sử Rizal:

José Rizal sinh năm 1891, tại Calamba, tỉnh Laguna. Ông theo học trường đạo Jesuit tại Manila, và đại học Madrid, nơi ông tốt nghiệp bác sĩ y-khoa năm 23 tuổi, và tiến sĩ năm 24 tuổi. Ông cũng theo học tại Paris (Pháp), Heidelberg và Leipzig (Đức). Tại Bá Linh, ông viết cuốn NOLI ME TANGERE (dịch sang tiếng Anh mang tựa là The Social Cancer, “Ung thư xã hội” bởi dịch giả Charles E. Derbyshire (Manila: Philippines Education, 1950) trong đó Rizal bài xích nhà cầm quyền Tây-Ban-Nha và các giáo phái tại Phi-Luật-Tân. Bị nhà cầm quyền truy lùng, ông phải bỏ xứ sang sống tại Pháp, Hoa-Kỳ và Hongkong là nơi ông mở phòng mạch chữa bệnh. Năm 1891, ông xuất bản cuốn tiểu thuyết thứ hai nhan đề EL FILIBUSTERISMO (Bản tiếng Anh mang tựa The Reign of Greed). Trở về Manila năm 1892, ông bị bắt vì tội phản động, bị đày ra Dapitan ở đảo Mindanao. Trên đường đi Cuba năm 1896, ông bị bắt về Phi-Luật-Tân,

đưa ra tòa án bù nhìn và bị kết tội lập hội kín và bạo động khởi nghĩa, và bị kết án tử hình. Sau đây là bản dịch sang tiếng Anh bài “My Last Farewell” (Lời Vĩnh biệt). Bài thơ cũng còn nhan đề là “Song before Execution” ông làm đêm hôm trước ngày hành quyết. Bài thơ này học sinh Phi nào cũng được dạy ở trường. Lời thơ như tiếng than khóc hùng hồn, biểu lộ lòng ái quốc vô bờ. Nhiều người đã dịch sang tiếng Anh bài thơ này. Theo wikipedia có tới 35 bản dịch sang tiếng Anh và bài thơ cũng được dịch sang hơn 37 thứ tiếng ngoại quốc.

Muốn biết thêm về đời José Rizal, xin tìm đọc tiểu sử do các tác giả Carlos Quirino viết năm 1958, L.M. Guerrero viết năm 1963, và Austion Costes viết năm 1968.

MY LAST FAREWELL
(Poem Written Before Execution)
José Rizal (1861-96)

Farewell, beloved country, sun-kissed land,
pearl of the eastern sea, lost paradise!
Gladly I yield my sad, my withered life:
if it were brighter, fresher and more fair,
still I would yield it for your happiness.

On battlefield, struggling with wild delight,
others for your sake selfless met their doom.
No matter where—be it cypress, laurel, iris,
scaffold or plain, combat or martyrdom,
if it was for their country and their home.

I die when I behold the sky turn red,
the last day breaking after gloomy night:
if you need cochineal to stain your dawn
then shed my blood, pour it while there is time,
gild it with tints of its emergent light!

My dream when I was scarcely a child, a youth,
my dreams when I was young, still in my prime,
were to see you, jewel of the eastern sea,
one day with dark eyes dry, with smooth brow raised,
no frown, no wrinkles, tainted with no crime.

Dream of my life, my burning bright desire,
hail! shouts my soul, now ready to go forth.
Hail! O how sweet to fall to give you flight,
to die to give you life, beneath your sky,
to sleep eternally in your charmed earth.

If on my tomb one day you see a flower,
simple and lowly, pushing through the grass,
lift it towards your lips and kiss my soul,
and on my brow I'll feel, in the cold grave,
the touch, the warm breath of your tenderness.

Let the moon see me with its calm, soft beams,
let the dawn send its rays, so briefly splendid,
let the wind moan, earnestly murmuring;
and if upon my cross a bird should light,
let the bird tune its song of troubles ended.

Let the sun evaporate the rains,
and my cries drive them back to their abode;
let one who loves weep for my early end,
and if in the cool dusk one prays for me,
pray, too, my country, for my rest in God,

Pray for all those who perish unfulfilled,
for those who suffer torments unrelieved,
for our poor mothers groaning bitterly,
for orphans, widows, tortured prisoners,
pray for yourself, that you may be relieved,

And when the dark enfolds the graveyard, leaving
only the dead to watch the long night
through,
do not disturb their rest, their mystery:

if you hear strains of harp or psaltery,
dear country, it is I, singing for you.

And if my grave, forgotten by the world,
has neither cross nor headstone left to mark it,
let it be tilled by man, tended and sown,
and let my ashes, while there still is time,
become the very dust upon your carpet.
No matter then that I should be forgotten.
Your air, your space, your value, will know
my wraith.
I'll be a throbbing, pure note in your ear;
with scents, lights, colours, whispers, songs
and groans
repeating still the essence of my faith.

Country I worship, grief of all my griefs.
dear Philippines, hear now the last farewell!
I leave you all—my fathers, those I love;
I go where neither slaves nor tyrants are;
where God is king, where faith makes no man kill.

Fathers, brothers, parts of my soul, farewell!
friends of my childhood home for ever lost!
give thanks that I rest from the weary day!
Farewell, fair stranger, happiness, my friends!
To die—farewell, my loved ones—is to rest!

(Source: Keith Bosley, ed. POETRY OF ASIA. New York: Weatherhill, 1979, pp. 98-100).

Note: Một bản dịch nổi tiếng của Charles Derbyshire có trên website <http://www.univie.ac.at/Voelkerkunde/apsis/ufi/rizal/rzpoem2.htm>

-Dịch từ bản tiếng Anh:

Lời Vĩnh Biệt

(bài thơ làm trước khi bị hành quyết)
José Rizal (1861-1896)

Thôi vĩnh biệt, quê hương thân yêu, xứ nắng
vàng môn trón,
Hòn ngọc Biển Đông, Thiên đàng đã mất!
Ta hân hoan hiến cuộc đời buồn bã héo hon này:
Nếu ví thử đời ta huy hoàng hơn, tươi thắm
hơn, hay may mắn hơn,
thì ta cũng hiến cho quê hương được hạnh phúc.

Trên chiến trường, khi tranh đấu cuồn say
những kẻ khác đã vì quê hương quên mình
vong thân.
Mặc dù chết ở đâu—dù chết treo trên cây trắc
bá, cây nguyệt quế hay cây diên vĩ,
trên đoạn đầu đài, trên cánh đồng, nơi trận
mạc hay chết vì lý tưởng,
thì cũng là những cái chết như nhau vì phục
vụ gia đình và xứ sở.

Ta chết đúng khi nhìn bầu trời ửng đỏ,
Ngày cuối cùng vừa hừng đông sau đêm tăm tối:
Nếu quê hương cần phẩm yên-chi để nhuộm
đỏ bình minh,
Thì hãy đổ máu ta, tưới máu ta khi kịp lúc,
Tô ban mai bằng màu rạng đông mới ló!

Giấc mơ khi ta mới vào đời,
những giấc mơ của ta khi còn tuổi xuân đầy
hy vọng,
là được thấy mặt quê hương, hòn ngọc Biển Đông,
một ngày nào đôi mắt huyền ráo lệ, ngược
làn mi mềm lên.
mà không phải cau mày, da không nhăn,
không bị làm nhor bần vì tội ác.

Giấc mộng đời ta, nỗi khát khao nóng bỏng
của ta,
Ta xin chào ! hồn ta giờ đây sẵn sàng bay lên.
Ta xin chào ! Êm ả biết bao khi chết cho quê hương,
chết cho quê hương sống, dưới bầu trời quê
hương,

yên ngủ vĩnh hằng trong lòng đất quê hương
quyến rũ.

Nếu trên mồ ta một ngày nào quê hương thấy
mọc một bông hoa,
đơn sơ và hèn mọn, vươn trên làn cỏ dày,
xin hãy nâng hoa lên môi mà hôn hôn ta,
và trên đôi mày, ta sẽ cảm thấy, khi đang
nằm dưới lòng mộ lạnh,
cái vuốt ve, hơi thở ấm áp, triu mến của quê
hương.

Hãy để tỏa lên ta ánh trăng êm dịu,
hãy để bình minh chiếu sáng lồng lẫy mà
ngấn ngủi,
hãy để gió kêu than, thâm thì, tha thiết;
và nếu ở thánh giá trên mộ ta, có con chim
đen đậu,
xin hãy để chim hát bài ca an bình trên mồ ta.

Hãy để mặt trời nóng làm mưa bay hơi,
để tiếng kêu than của ta đưa mưa về nguồn cũ ;
hãy để ai từ tâm khóc thương đời ta sớm dứt đoạn,
và nếu trong hoàng hôn mát có ai cầu kinh
cho ta,
thì, quê hương ơi, cũng xin cầu cho ta được
yên nghỉ nơi Thượng Đế.

Xin hãy cầu cho tất cả những ai xả thân khi
nghĩa vụ chưa thành,
cho những ai chịu đựng day dứt không nguôi,
cho các bà mẹ đáng thương rên rỉ cay đắng,
cho các con cô, mẹ goá, kẻ tù đầy bị tra tấn,
xin quê hương cầu cho mình, xin cho được tri
hoãn khổ đau.

Và khi màn đêm bao trùm nghĩa địa, chỉ còn
để lại những hồn ma theo dõi đêm trường,
xin để chúng yên nghỉ, đừng xáo trộn niềm bí
ẩn của chúng:
nếu quê hương nghe thấy tiếng đàn thụ-cầm
hay đàn cổ-cầm,

quê hương yêu dấu ơi, đó chính là tiếng ta ca
cho quê hương vậy.

Và nếu mồ ta, thế gian lãng quên,
Chẳng có thánh giá hay mộ bia để ghi dấu
lại,
thì hãy để mồ ta cho người cày lên, chăm sóc,
gieo hạt,
và hãy để tro tàn ta,
trở thành cát bụi trên thảm cỏ quê hương.

Khi đó dầu bị lãng quên,
Nhưng không khí, không gian, giá trị quê
hương sẽ hiểu hồn ta.
Ta sẽ là âm tiết rộn ràng, trong vất bên tai quê hương;
với hương thơm, ánh sáng, màu sắc, tiếng
thâm thì, lời ca và tiếng rên rỉ
nhắc lại hoài lòng tin thuần khiết của ta.

Quê hương ta thờ phượng, niềm đau trong
các nỗi đau đớn của ta,
Phi-Luật-Tân yêu dấu, giờ đây xin nghe lời
vĩnh biệt!
Ta dời bỏ tất cả--ông cha ta, người ta thương yêu;
Đi đến nơi không còn nô lệ, chẳng có bạo chúa;
Nơi chỉ có Thượng Đế là đáng ngự trị, nơi
lòng tin khiến không còn ai chém giết nhau.

Các bậc sinh thành, anh chị em, phần của
hồn ta, xin vĩnh biệt!
Bạn bè thời thơ ấu nay vĩnh viễn mất đi!
Xin cảm ơn Thượng Đế được yên nghỉ sau
một ngày mệt mỏi!
Xin vĩnh biệt, người không quen đáng yêu,
hạnh phúc, bạn ta!
Chết--vĩnh biệt người thân--chết chỉ là yên
nghỉ mà thôi.

Chuyển dịch:

Phạm Trọng Lê

(Virginia 2/28/10; sửa lại 2/16/2014 - PTL)